

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Tháng 03 năm 2022

Kỳ vọng vượt qua các vấn đề toàn cầu nhờ lợi thế riêng

Phòng Phân Tích | Nguyễn Thị Hòa, hoant@acbs.com.vn

Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam trong tháng 2 tiếp tục tăng trưởng với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước và chỉ số PMI Markit mở rộng lên 54,3 từ mức 53,7 trong tháng trước. Vốn FDI giải ngân tăng 7,9% trong tháng 2 lên 1,07 tỷ USD, trong khi vốn FDI cam kết giảm 15,9% xuống 2,9 tỷ USD do sự gia tăng đột biến của các dự án lớn trong năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 17,6% so với cùng kỳ nhưng nhập siêu 2,3 tỷ USD, trong khi thương mại nội địa ghi nhận tổng mức bán lẻ tăng 3,1%. Lãi suất liên ngân hàng tăng trong suốt tháng 2 do thanh khoản hệ thống ngân hàng bị hạn chế trong dịp Tết Nguyên đán khi người dân chi tiêu và sử dụng nhiều tiền mặt. Chỉ số giá tiêu dùng tăng 1% so với tháng trước và tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ giá trung tâm USD/VND tăng 0,18% trong tháng 2 và tỷ giá tại các ngân hàng thương mại cũng tăng 0,75% so với tháng trước.

Sau Tết Nguyên đán vào đầu tháng 2, nhà đầu tư quay trở lại thị trường với một phiên giao dịch sôi động và sau đó là những phiên giằng co quanh 1.500 điểm. Chỉ số VNIndex kết thúc tháng với mức tăng 0,8% lên 1.490,1 điểm trong bối cảnh chiến tranh Nga-Ukraine bùng nổ. Các ca nhiễm Covid-19 trong cộng đồng mới tăng nhanh, kết hợp với những bất ổn liên quan đến gián đoạn nguồn cung và áp lực lạm phát đã tác động đến tâm lý nhà đầu tư. Giá trị giao dịch trung bình trên VNIndex giảm 15,6% so với tháng trước nhưng tài khoản mới mở trong tháng 2 đã tăng 8,4% so với tháng trước mặc dù tháng 2 chỉ có 16 ngày làm việc. Các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trong tháng với mức bán ròng 14,9 triệu USD, ít hơn mức bán ròng 130 triệu USD trong tháng Giêng.

Vấn đề trước mắt mà thị trường đang chú ý lúc này là quyết định tăng lãi suất của Fed và sự thắt chặt chính sách tiền tệ trên toàn thế giới để đối phó với lạm phát gia tăng. Cuộc chiến ở Ukraine bùng nổ khiến các nhà đầu tư luôn dõi theo xem ảnh hưởng có thể xảy ra đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào, vốn chưa rõ ràng do tất cả những điều không chắc chắn xung quanh tình hình hiện nay, tuy nhiên những lo ngại ban đầu dường như xoay quanh việc giá dầu tăng và tác động của chúng lên lạm phát. Về đại dịch, các ca nhiễm cộng đồng tăng mạnh sau kỳ nghỉ Tết, lan rộng trên cả nước và vượt 100.000 ca mỗi ngày trong khi các trường học đã mở cửa trở lại sau khi đóng cửa cả năm do đại dịch. Chúng tôi đang theo dõi mức tăng đột biến có thể xảy ra và trường hợp nặng trên toàn quốc khi cơ sở hạ tầng y tế quá tải có thể gây ra mối đe dọa cho sự phục hồi kinh tế và làm gián đoạn hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn. Tuy nhiên, với tỷ lệ tiêm chủng cao trong nước cùng với việc tiếp cận các phương pháp điều trị ngày càng tăng, chúng tôi kỳ vọng sẽ không có bất kỳ động thái lớn nào cản trở sự phục hồi kinh tế. Các hoạt động du lịch dự kiến sẽ mở cửa trở lại vào ngày 15 tháng 3 có thể thúc đẩy sự phục hồi trong lĩnh vực dịch vụ và du lịch, tuy nhiên, chúng tôi không kỳ vọng du lịch đại trà sẽ quay trở lại ngay sau khi biên giới mở cửa vì sẽ mất một thời gian để điều chỉnh yêu cầu nhập cảnh và chính sách thị thực đã không hoạt động trong hai năm.

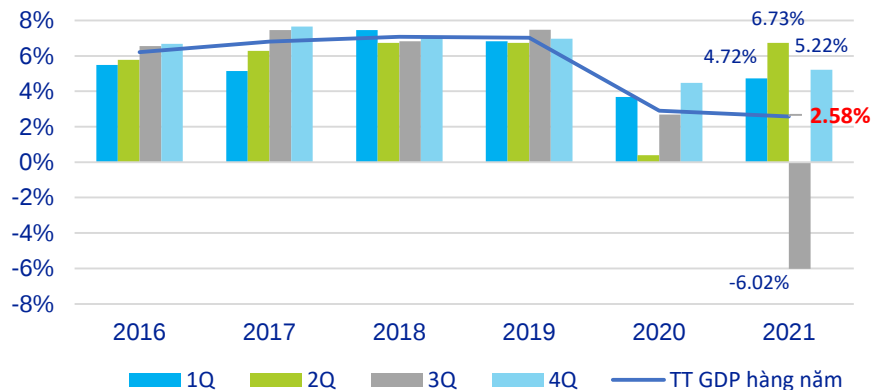
1. Kinh tế vĩ mô
2. Thị trường vốn
3. Chủ đề thời sự
4. Tóm tắt ngành



- ❖ **Chỉ số IIP trong tháng 2 tiếp tục tăng 8,5%** mặc dù giảm 12,4% so với tháng trước do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài. **Tính chung 2 tháng, IIP tăng 5,4%, thấp nhất trong 5 năm gần đây.** Chỉ số **PMI Markit tăng lên 54,3** từ mức 53,7 trong tháng trước, duy trì đà phục hồi với sản lượng và đơn đặt hàng mới tăng mạnh.
- ❖ **Vốn FDI giải ngân tăng 7,9% so với cùng kỳ** trong khi cam kết đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 15,9% trong tháng 2 do sự gia tăng đột biến của các dự án lớn trong năm ngoái. **Trong 2 tháng, vốn giải ngân tăng 7,2%** và vốn FDI cam kết giảm 8,5%.
- ❖ **Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu** trong tháng 2 giảm xuống 48,2 tỷ USD (-20% so với tháng trước, tăng 17,6% so với cùng kỳ) và **nhập siêu 2,3 tỷ USD**. Xuất khẩu sang Trung Quốc tiếp tục khó khăn do Trung Quốc tiếp tục chính sách không COVID ảnh hưởng đến các tuyến biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Đối với thị trường trong nước, **tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 3,1% so với cùng kỳ** và giảm 7,1% so với tháng trước.
- ❖ **Lãi suất liên ngân hàng tăng trong suốt tháng 2** do thanh khoản hệ thống ngân hàng bị hạn chế trong dịp Tết Nguyên đán, người dân chi tiêu và sử dụng nhiều tiền mặt. **Chỉ số giá tiêu dùng tăng 1%** so với tháng trước và tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. **Tỷ giá trung tâm USD/VND tăng 0,18%** trong tháng 2 và tỷ giá tại các ngân hàng thương mại cũng tăng 0,75% so với tháng trước.
- ❖ Giá xăng đạt đỉnh lịch sử mới tại Việt Nam sau hai đợt tăng giá từ đầu năm nay lên mức 26.280 đồng/lít (RON-95) từ ngày 13/2. Có nhiều lo ngại về việc gián đoạn nguồn cung nhiên liệu khi một số khu vực chứng kiến nhiều trạm xăng đóng cửa do thiếu nguồn cung, nhưng chính phủ đảm bảo rằng nguồn cung cấp nhiên liệu sẽ được duy trì. Bộ Công Thương đã chỉ đạo 10 đơn vị phân phối xăng dầu nhập khẩu 840.000 m3 xăng và 1,56 triệu m3 dầu diesel để khắc phục tình trạng khan hiếm hàng tuần.
- ❖ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tập đoàn Imex Pan Pacific (IPP) đã ký Biên bản ghi nhớ về việc nghiên cứu kế hoạch xây dựng Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại thành phố. IPP Group sẽ tài trợ kế hoạch nghiên cứu thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại TP.HCM, kết nối với các nhà đầu tư nước ngoài và quỹ đầu tư nước ngoài để xây dựng trung tâm tài chính quốc tế, thuê các cơ quan tư vấn trong nước và quốc tế xây dựng kế hoạch và thuê các doanh nghiệp Mỹ tư vấn hoàn thành kế hoạch.

GDP quý tư tăng trở lại 5,22%

Tăng trưởng GDP theo quý

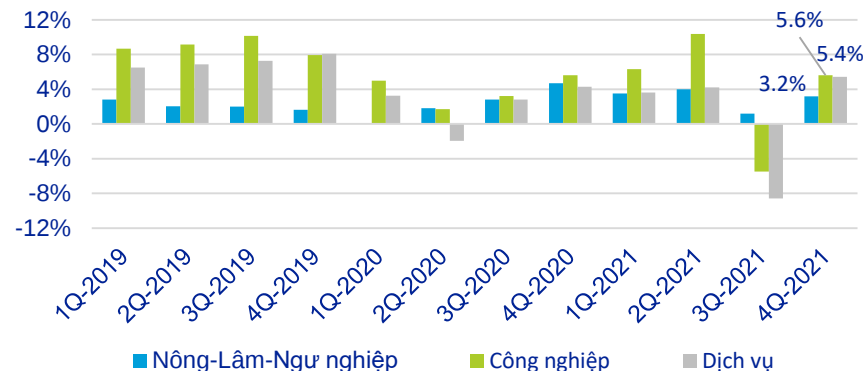


Nguồn: GSO, ACBS

❖ Tăng trưởng GDP Việt Nam trong quý 4 tăng 5,22% sau mức giảm theo quý sâu nhất trong quý 3/2020 nhờ chiến lược mới của Chính phủ “sống chung với COVID-19” giúp kinh tế mở cửa trở lại ở các thành phố lớn và duy trì hoạt động kinh tế trên cả nước mặc dù COVID-19 vẫn đang lây lan ở một số tỉnh. Trong đó, khu vực Nông - lâm - thủy sản (+ 3,16%) tiếp tục tăng trưởng tích cực, khu vực Công nghiệp - xây dựng (+ 5,61%) và khu vực Dịch vụ (+ 5,42%) quay trở lại mức tăng trưởng dương dẫn đến GDP năm 2021 tăng 2,58%, thấp hơn 2,91% của năm 2020 nhưng đó là kết quả đáng khích lệ cho một năm đầy khó khăn do Covid-19 hoành hành.

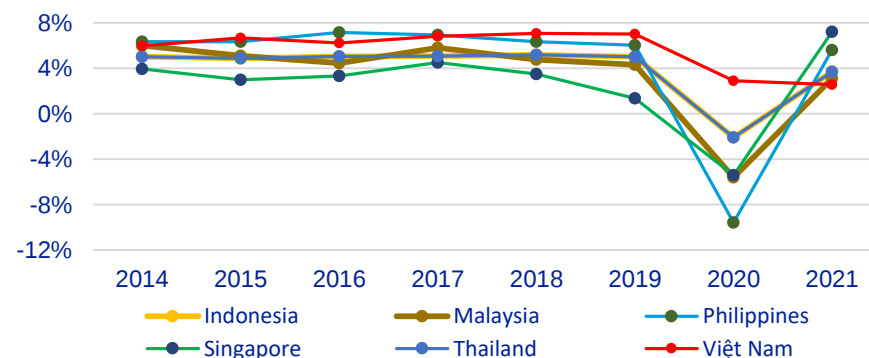
❖ Về GDP năm 2021 theo chi tiêu, Tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09%, Tích lũy tài sản tăng 3,96%, Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01% và Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%.

Tăng trưởng GDP theo ngành



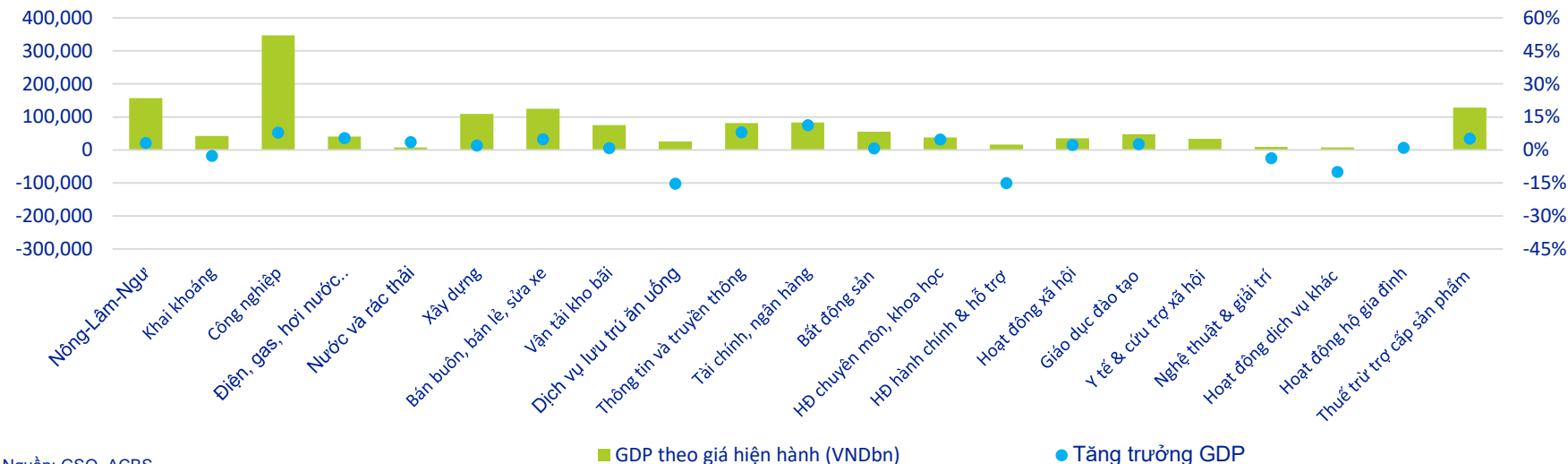
Nguồn: GSO, ACBS

Tăng trưởng GDP Việt Nam và khu vực



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, ACBS. Ghi chú: (*) ước tính của ADB vào tháng 12/2021

GDP theo ngành trong 4Q2021



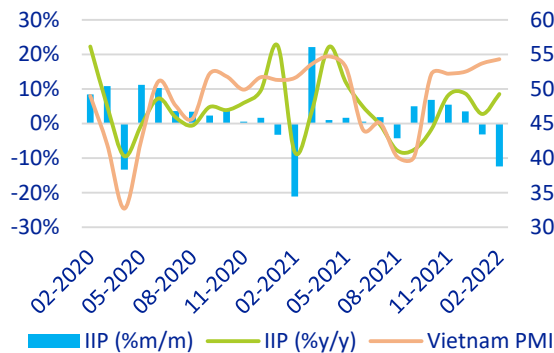
Nguồn: GSO, ACBS

■ GDP theo giá hiện hành (VNDbn)

● Tăng trưởng GDP

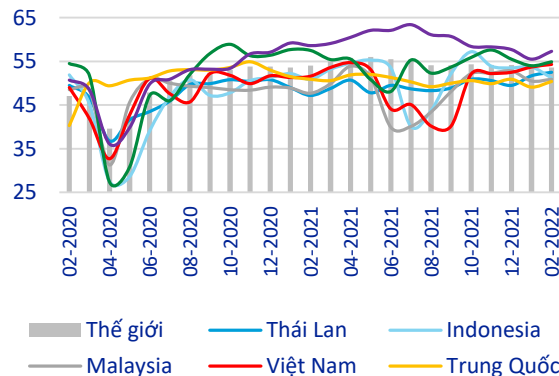
- Hầu hết các ngành công nghiệp phục hồi trong quý 4 khi giãn cách xã hội chấm dứt ở các trung tâm công nghiệp lớn ở các thành phố phía Nam và lĩnh vực sản xuất phục hồi trong những tháng cuối năm. Lĩnh vực sản xuất, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng GDP, tăng trở lại 8% so với cùng kỳ năm trước, Tài chính-ngân hàng và bảo hiểm cũng tăng mạnh 11,2%, xây dựng tăng 2,1% trong khi khai khoáng giảm 2,7%.
- Một số ngành dịch vụ vẫn bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 như Lưu trú & thực phẩm (-15,3%), Nghệ thuật, Trò chơi & Giải trí (-3,7%) và các dịch vụ khác (-10%).

Chỉ số IIP và PMI của Việt Nam



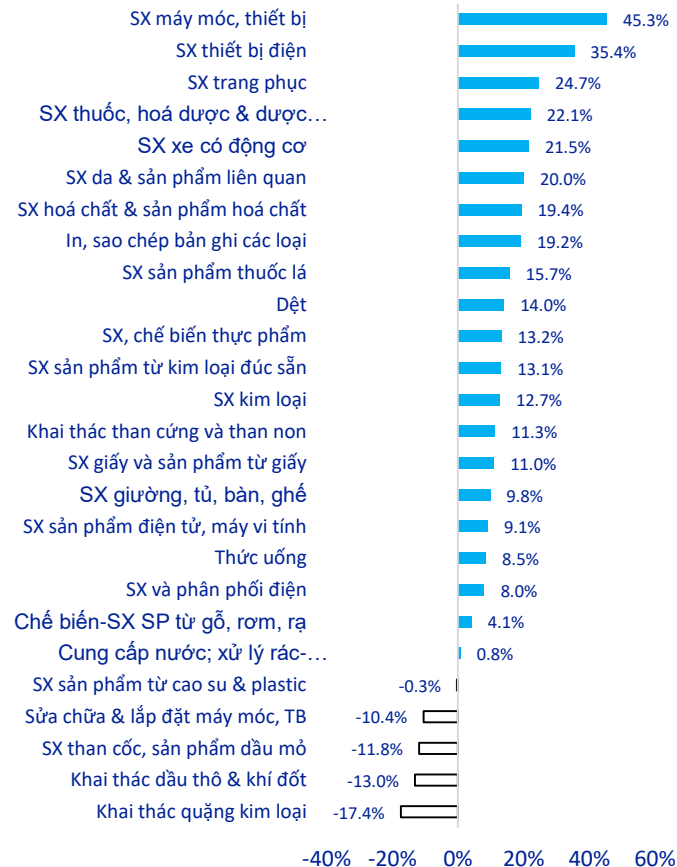
Nguồn: GSO, IHS Markit, ACBS

Chỉ số PMI Việt Nam và các nước



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit, ACBS

Chỉ số IIP tháng 2/2022 theo ngành

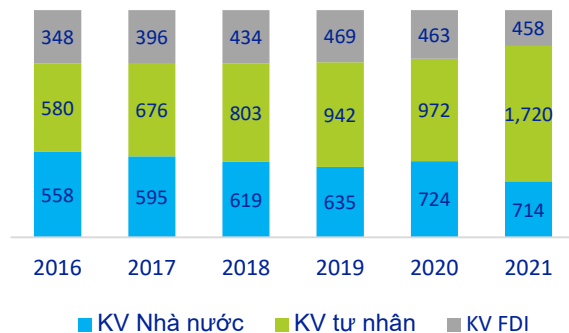


Nguồn: GSO, ACBS

- Chỉ số IIP trong tháng 2 tăng 8,5%, mặc dù giảm 12,4% so với tháng trước do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài. Trong 2 tháng, IIP tăng 5,4%, thấp nhất trong 5 năm gần đây và đăng ký mở rộng ở 56 tỉnh và giảm ở 7 tỉnh. Tỉnh có mức tăng trưởng cao nhất là Hà Giang (tăng 46,2%) và thấp nhất là Trà Vinh (-17,5%). Một số sản phẩm đáng chú ý trong 2 tháng là than sạch (tăng 5,3%), thép (-3,4%), thức ăn cho gia súc (+ 10,4%), tivi (-32,4%), dầu khí (-12,8%), thép cuộn (+ 10,5%), thép thanh, thép góc (+ 6,1%).
- Chỉ số PMI Markit duy trì sự mở rộng lên 54,3 từ mức 53,7 vào tháng trước với sản lượng và đơn đặt hàng mới tăng mạnh. Tuy nhiên, các nhà sản xuất đang phải đối mặt với thách thức thiếu lao động trong ngắn hạn do COVID-19 lan rộng và chi phí đầu vào cao do giá xăng và nguyên liệu tăng.

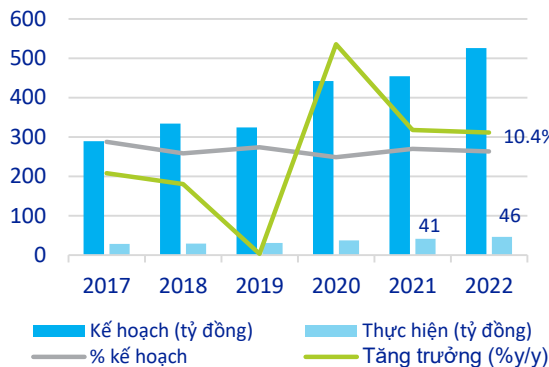
Tổng vốn đầu tư xã hội

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



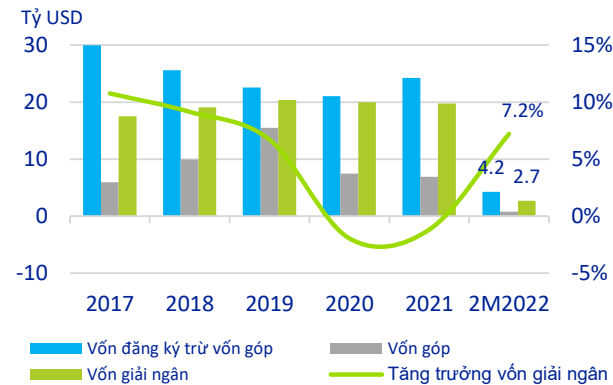
Nguồn: GSO, ACBS

Đầu tư công trong 2 tháng



Nguồn: GSO, ACBS

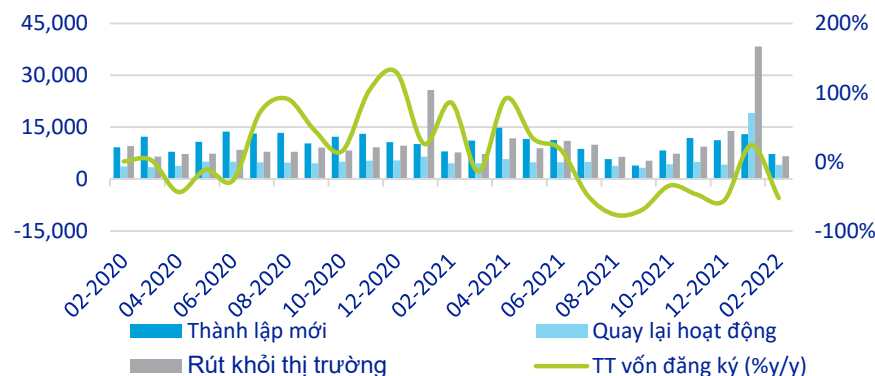
FDI theo năm



Nguồn: MPI, ACBS

- ❖ Trong tháng 2, Việt Nam đã chi 20,5 nghìn tỷ đồng cho đầu tư công, tăng 10,9% (so với tăng 1,1% so với tháng 2/2021), hoàn thành 8,8% kế hoạch năm trong 2 tháng. Chi tiêu công trong hai tháng chủ yếu tập trung vào các dự án dở dang của các năm trước. Tốc độ giải ngân vốn còn chậm, nhưng gói kích cầu được thông qua vào tháng 1, trong đó dành khoảng 7,6 tỷ USD cho đầu tư công được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích cho lĩnh vực này trong hai năm tới.
- ❖ Về khu vực kinh tế tư nhân, cả số doanh nghiệp đăng ký mới (7.284, -9,4%) và mở lại (4.071, -11,6%) đều giảm trong tháng Hai. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp rút khỏi thị trường cũng giảm xuống còn 6.616 (-14,1%).

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp



Nguồn: GSO, ACBS

Dự án quan trọng đang thực	Vốn ước tính (VNDbn)	Tiến độ thực hiện
Dự án giải phóng mặt bằng sân bay Long Thành	22,856	Đã giải ngân tổng cộng 13.251 tỷ đồng (58% kế hoạch)
Dự án xây dựng sân bay Long Thành – Giai đoạn 1	109,111	Khởi công tháng 1/2021
Dự án đường cao tốc Bắc Nam phía Đông (giai đoạn 2017-2020)	118,716	Đã giải ngân tổng cộng 12.036 tỷ đồng (83% kế hoạch)
Cao Bồ - Mai Sơn	1,600	Đúng tiến độ (96%). Dự kiến hoàn thành 12/2021
Mai Sơn – Quốc lộ 45	12,920	Hoàn thành 41%, đúng tiến độ
Quốc lộ 45 - Nghi Sơn	6,330	Khởi công T7/2021. 21,7%
Nghi Sơn – Diễn Châu	8,380	Khởi công T7/2021. 21,7%
Diễn Châu - Bãi Vọt (PPP)	13,340	Khởi công T5/2021
Cam Lộ - La Sơn	7,670	70%, chậm tiến độ
Nha Trang - Cam Lâm (PPP)	7,615	Khởi công T7/2021, đang huy động vốn
Cam Lâm - Vĩnh Hảo	13,960	Ký HĐ BOT vào T7/2021, đã ký HĐ tín dụng
Vĩnh Hảo - Phan Thiết	11,600	18%, chậm tiến độ
Phan Thiết – Dầu Giây	14,360	24%, chậm tiến độ
Cầu Mỹ Thuận 2	5,000	72%, vượt tiến độ

Các quyết định quan trọng của Chính phủ về Đầu tư công trong năm 2021 và 2022

Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội : Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 2021-2025 khoảng 32-34% GDP, tỷ trọng vốn đầu tư công bình quân 5 năm khoảng 16-17% tổng vốn đầu tư của toàn xã hội.

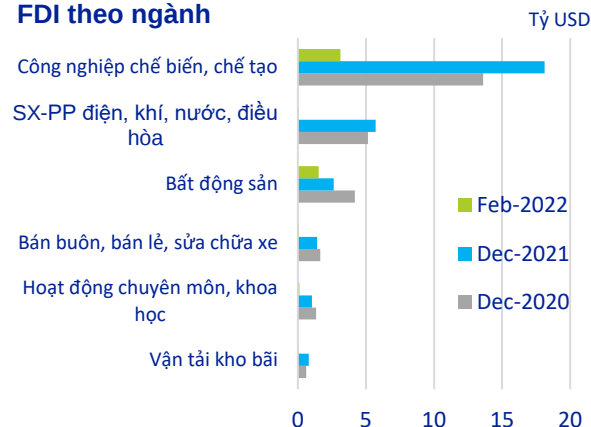
Quyết định số 1769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, đến năm 2030, mạng lưới đường sắt quốc gia sẽ có thêm 9 tuyến đường sắt mới, tổng chiều dài 2.362 km, bao gồm cả tuyến cao tốc Bắc - Nam. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 240.000 tỷ đồng. Ưu tiên đầu tư 2 tuyến đường sắt Hà Nội - Vinh và Nha Trang - TPHCM.

Chỉ thị 01/CT-BKHDT do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ngày 5/1/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và tăng cường hiệu quả trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phát triển mạnh kinh tế tư nhân, tăng cường kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước.

Nghị quyết số 44/2022/QH15 của Quốc hội ngày 11/1/2022 về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

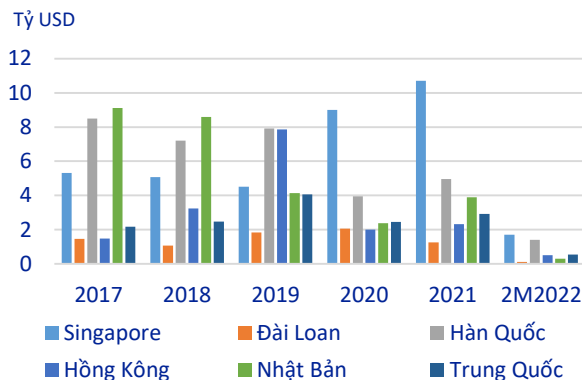
Nghị quyết số 43/2022/QH15 (“Nghị quyết 43”) được ký ngày 11/1/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, tăng vốn đầu tư công.

FDI theo ngành



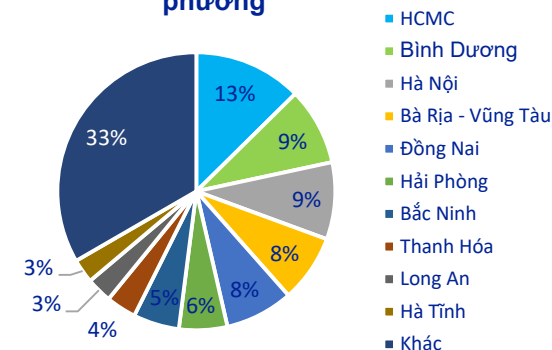
Nguồn: MPI, ACBS

Các đối tác FDI lớn



Nguồn: MPI, ACBS

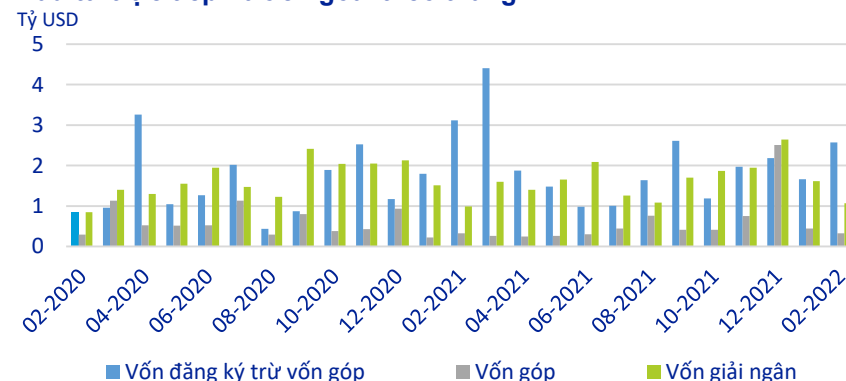
FDI lũy kế đến tháng 2/2022 theo địa phương



❖ Trong tháng 2, vốn giải ngân tăng 7,9% lên 1,07 tỷ USD trong khi FDI đăng ký giảm 15,9% xuống 2,9 tỷ USD do sự gia tăng đột biến của các dự án lớn trong năm ngoái; trong đó, góp vốn tiếp tục tăng 1,2%. Trong 2 tháng, dòng vốn giải ngân tăng 7,2% so với cùng kỳ lên 2,7 tỷ đô la Mỹ và FDI đăng ký ở mức 4,99 tỷ đô la Mỹ, giảm 8,5% so với cùng kỳ. Số dự án đăng ký cấp mới tăng mạnh 183 (tăng 45,2%), 142 dự án đăng ký tăng vốn (+ 23,5%) và 400 giao dịch góp vốn (-10,1%).

❖ Lĩnh vực sản xuất và chế biến giữ vai trò chủ đạo với tỷ trọng mở rộng lên 62,7% trong tổng vốn FDI đăng ký. Singapore vẫn là đối tác lớn nhất trong 2 tháng đầu năm.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo tháng

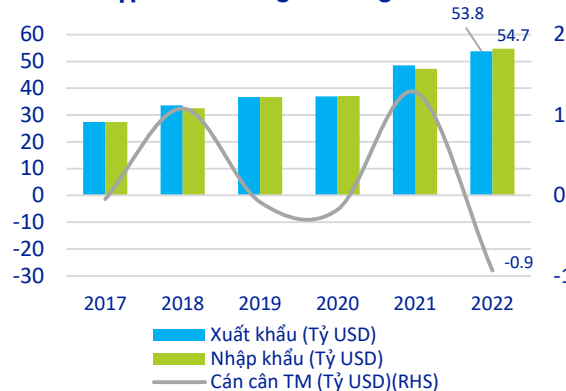


Nguồn: MPI, ACBS

Các dự án FDI trọng điểm trong năm 2022

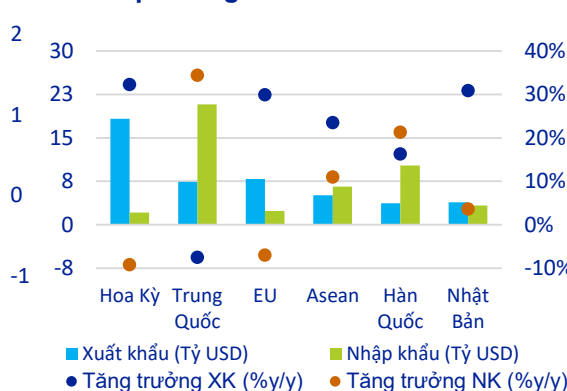
STT	Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm	Đối tác	Vốn đăng ký (USDbn)	Ngày cấp GCN
1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị và dịch vụ Vsip Bắc Ninh	Khu đô thị và dịch vụ	Bắc Ninh	Singapore	0.94	01/2022 (Điều chỉnh)
2	Dự án Công ty TNHH Samsung mechanics Việt Nam	Sản xuất các linh kiện tích hợp công nghệ cao cho các thiết bị điện tử	Thái Nguyên	Hàn Quốc	0.92	02/2022 (Điều chỉnh)
3	Dự án nhà máy của Tập đoàn Goertek	Chế tạo các sản phẩm điện tử, phương tiện thiết bị mạng và các sản phẩm âm thanh đa phương tiện	Nghệ An	Hồng Kông	0.40	01/2022 (Điều chỉnh)
4	Dự án nhà máy của Tập đoàn Goertek	Chế tạo thiết bị điện tử, phương tiện thiết bị mạng và các sản phẩm âm thanh đa phương tiện	Bắc Ninh	Hồng Kông	0.31	01/2022 (Điều chỉnh)
5	Dự án thương mại và dịch vụ GE Việt Nam	Thương mại và dịch vụ	Bắc Ninh	Hàn Quốc	0.22	01/2022 (Điều chỉnh)
6	Nhà máy JNTC	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử	Phú Thọ	Hàn Quốc	0.16	01/2022 (Điều chỉnh)

Xuất nhập khẩu trong 2 tháng



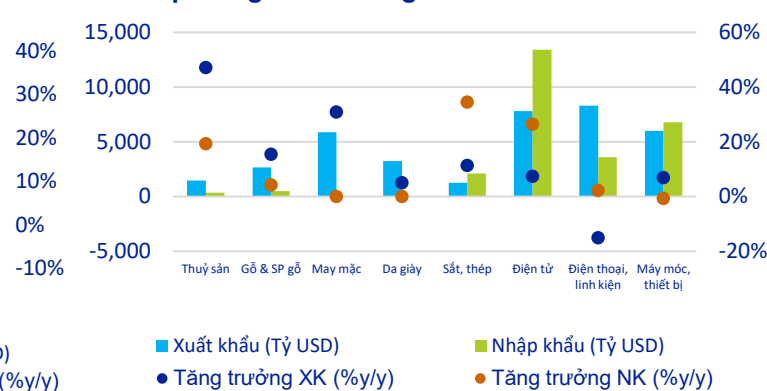
Nguồn: GSO, ACBS

Các thị trường chính 2M2022



Nguồn: GSO, ACBS

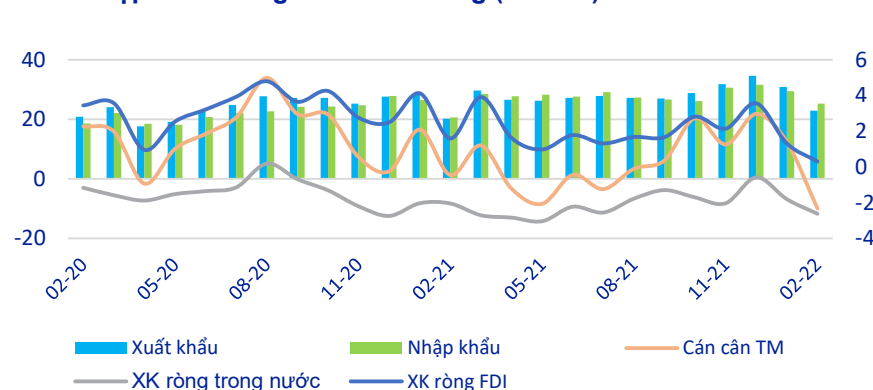
Các mặt hàng chính trong 2M2022



Nguồn: GSO, ACBS

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong tháng 2 giảm xuống 48,2 tỷ USD (-20% so với tháng trước, tăng 17,6% so với cùng kỳ) và nhập siêu 2,3 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt 22,9 tỷ USD (-25,6% / tháng, + 13,2%), nhập khẩu tăng mạnh hơn với ước tính đạt 25,3 tỷ USD (-14,2% / tháng, + 21,9%)).
- Trong 2 tháng, xuất khẩu sang Hoa Kỳ, thị trường nhập khẩu cao nhất từ Việt Nam, tăng trưởng mạnh 32,3% so với cùng kỳ, xuất khẩu sang thị trường EU, Nhật Bản cũng tăng khoảng 30%. Trong khi đó, xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn gặp khó khăn do chính sách không COVID của họ và các hạn chế khác áp dụng đối với các sản phẩm của Việt Nam gây thiệt hại đáng kể và làm giảm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu xuống âm 7,5%.

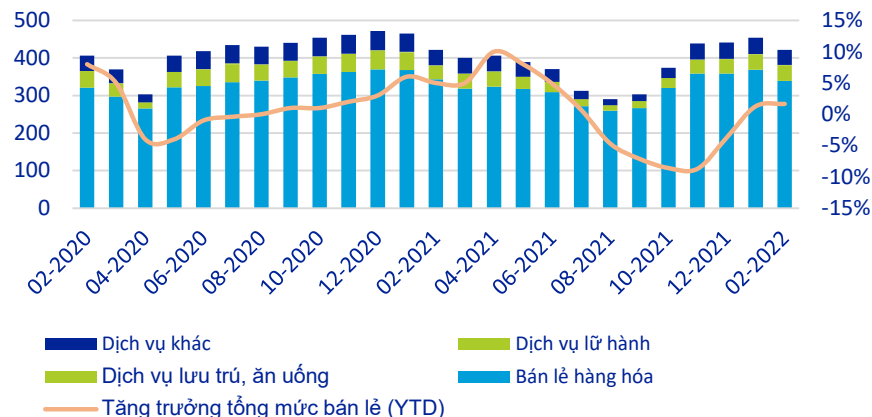
Xuất nhập khẩu hàng hóa theo tháng (USDbn)



Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo tháng

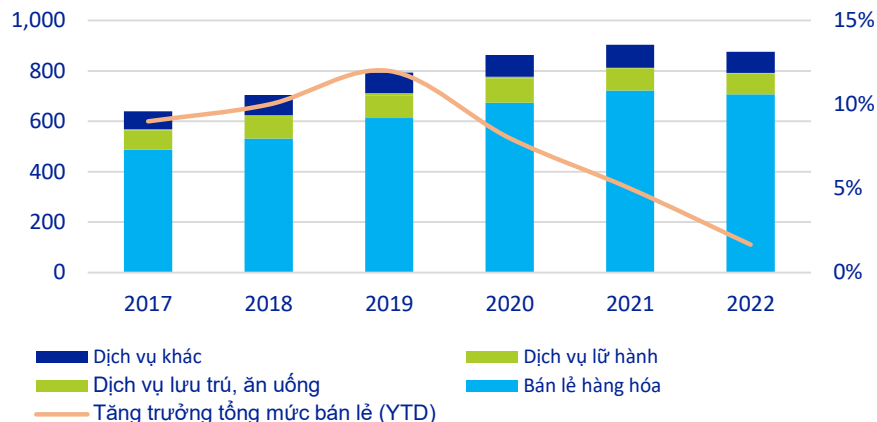
Nghìn tỷ đồng



Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ trong 2 tháng

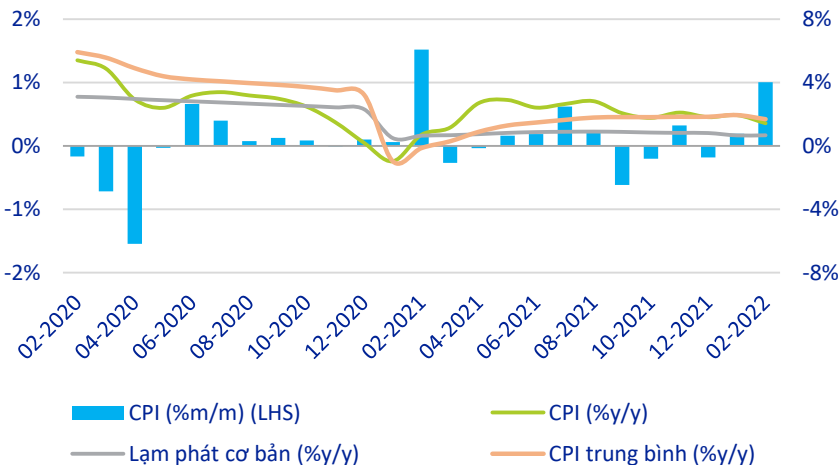
Nghìn tỷ đồng



Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 2 đạt 421,8 nghìn tỷ đồng (giảm 7,1% so với tháng trước, tăng 3,1% so với cùng kỳ). Trong đó, doanh thu hàng hóa tăng 2,4%, lưu trú và ăn uống tăng 12,6%, dịch vụ lữ hành tăng 39,4% và dịch vụ khác giảm 0,7%. Xét theo ngành, doanh thu nhóm hàng văn hóa, giáo dục tăng 12,7%, lương thực, thực phẩm tăng 9%, giao thông tăng 4,3% trong khi một số mặt hàng giảm như may mặc (-8,1%), dụng cụ & thiết bị gia đình (-9,1%).
- ❖ Cho cả năm 2022, chúng tôi kỳ vọng doanh số bán lẻ sẽ tiếp tục phục hồi nhờ 1) tỷ lệ tiêm chủng cao trong nước cùng với việc tiếp cận các phương pháp điều trị ngày càng tăng, khiến cho việc đóng cửa như đã thấy vào năm 2021 sẽ khó xảy ra, 2) du lịch trong nước và quốc tế dự kiến sẽ tăng vào năm 2022, khi các biên giới được thiết lập để mở cửa trở lại cho khách du lịch quốc tế vào ngày 15 tháng 3, điều này sẽ không chỉ thúc đẩy các dịch vụ du lịch mà còn các dịch vụ khác và doanh thu bán lẻ hàng hóa và; 3) Giá gas bán lẻ tăng cũng thúc đẩy doanh thu bán lẻ do mặt hàng này chiếm khoảng 11,7% tổng mức bán lẻ (cuối tháng 2/2022)

Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, ACBS

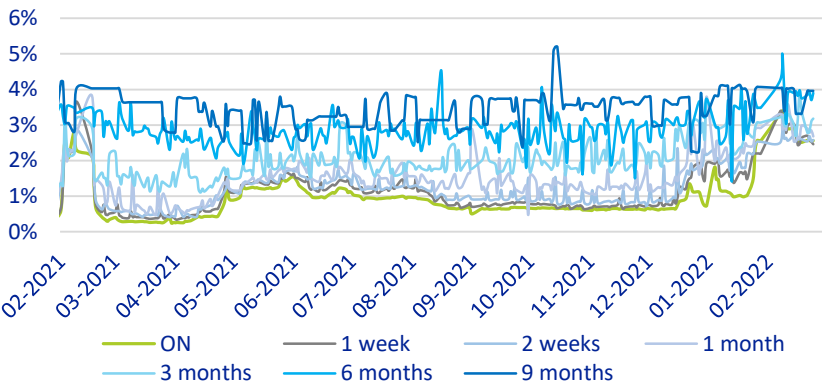
Giỏ hàng hóa tiêu dùng	Tỷ trọng	2/2022 (% m/m)	2/2022 (% y/y)	Trung bình 2M2022 (% y/y)
CPI chung	100.0	1.00%	1.42%	1.68%
Hàng ăn & dịch vụ ăn uống	33.6	1.54%	-0.20%	-0.17%
Lương thực	3.7	0.35%	1.66%	2.37%
Thực phẩm	21.3	1.69%	-1.82%	-1.75%
Ăn uống ngoài gia đình	8.6	1.68%	3.08%	2.75%
Đồ uống & thuốc lá	2.7	0.37%	2.21%	2.48%
May mặc, mũ nón & giày dép	5.7	0.07%	0.70%	0.79%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	18.8	0.92%	0.44%	1.96%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	6.7	0.19%	1.20%	1.21%
Thuốc & dịch vụ y tế	5.4	0.03%	0.26%	0.26%
Giao thông	9.7	2.35%	15.46%	15.00%
Bưu chính viễn thông	3.1	-0.05%	-0.73%	-0.69%
Giáo dục	6.2	0.51%	-3.30%	-3.54%
Văn hoá, giải trí & du lịch	4.6	0.51%	0.27%	0.08%
Đồ dùng & dịch vụ khác	3.5	0.22%	1.04%	1.30%

Màu xanh: tăng so với kỳ tương ứng trước đó

Màu đỏ: giảm so với kỳ tương ứng trước đó

- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 tăng 1% so với tháng trước và tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm hàng giao thông có mức tăng trưởng cao nhất nhờ giá nhiên liệu tăng. Rổ hàng lương thực, thực phẩm có diễn biến giảm phát trong những tháng gần đây chủ yếu do xuất khẩu sang Trung Quốc gặp khó khăn khiến nguồn cung trong nước dư thừa và giá giảm. Chỉ số giá tiêu dùng cơ bản tiếp tục tăng 0,49% so với tháng trước và tăng 0,68% so với cùng kỳ năm ngoái (so với + 0,64% so với tháng 2 năm 2021).
- ❖ So với các nước khác, CPI ở Việt Nam vẫn ở mức thấp khi so với một số nước châu Á như Thái Lan, Philippines và Hàn Quốc. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của chính phủ cho năm 2022 đặt mức tăng CPI vào khoảng 4%. Cho đến nay, chỉ số CPI đang trong tầm kiểm soát và vẫn thấp hơn các quốc gia khác (như thể hiện trong slide 21) và thấp hơn mục tiêu của chính phủ.

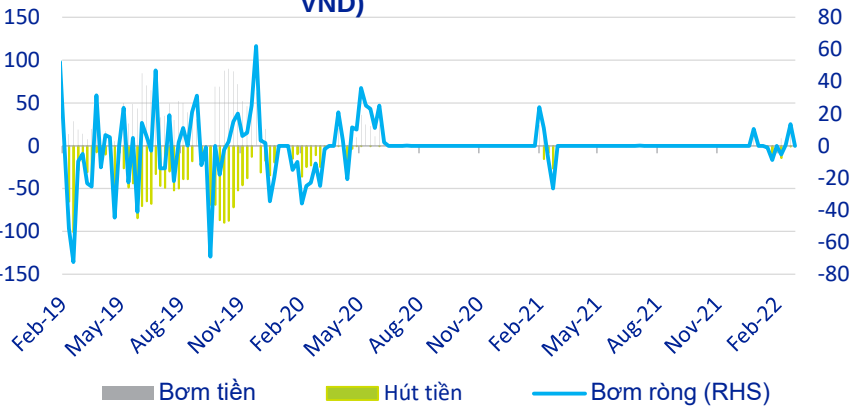
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: FiinPro, ACBS

- ❖ Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ trong suốt T2/2022 khi thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm vào dịp Tết Nguyên Đán khi mà mọi người cần chi tiêu và sử dụng nhiều tiền mặt. Do thanh khoản của hệ thống NH bị suy giảm vào dịp Tết Nguyên đán, NHNN tiếp tục bơm hơn 10 nghìn tỷ đồng vào hệ thống trong 2 tuần cuối T1/2022 và gần 16 nghìn tỷ đồng vào tuần sau Tết Nguyên Đán để giảm bớt áp lực thanh khoản của hệ thống trong ngắn hạn.
- ❖ Chúng tôi kỳ vọng là thanh khoản hệ thống trở lại ổn định trong Q2/2021 và NHNN cũng giúp bình ổn thanh khoản trong ngắn hạn bằng các công cụ reverse Repo OMO (như vào 2 tuần cuối của T1/2022 và tuần sau Tết Nguyên Đán, NHNN đã bơm hơn 26 nghìn tỷ đồng, nhằm hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng trong ngắn hạn) khi cần thiết nhằm tránh lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh bất ngờ.

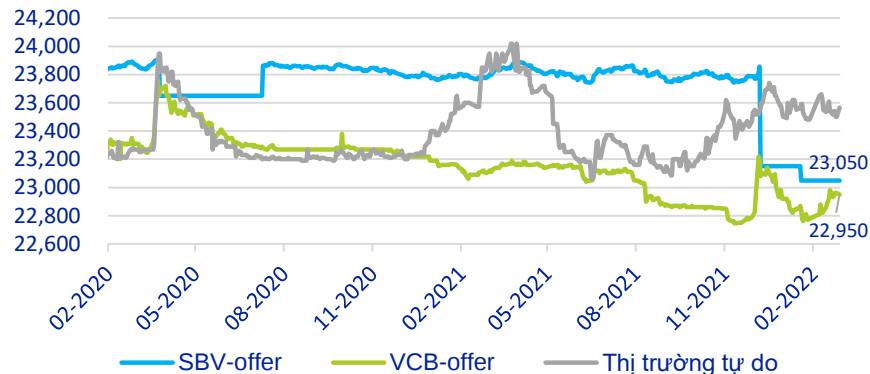
Bơm ròng/ (Hút ròng) trên thị trường OMO (Nghìn tỷ VND)



Lãi suất liên ngân hàng

	ON	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng
Trung bình tháng 2/2022	2.75%	2.76%	2.68%	2.91%	3.17%	3.94%	3.79%
+/- MoM (bps)	130	95	59	51	38	76	-11

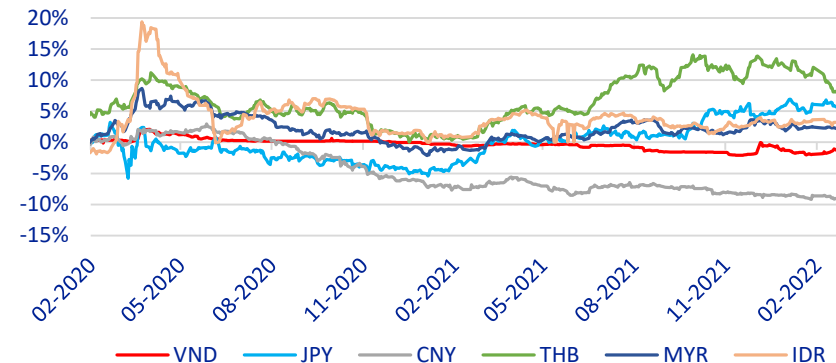
Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Fiin Pro, ACBS

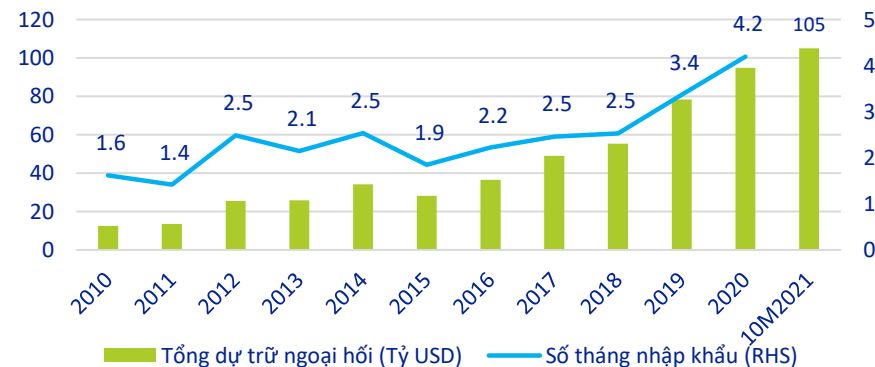
- Tỷ giá trung tâm USD/VND giảm 0,18% trong tháng 2 và tỷ giá chào bán tại Vietcombank cũng tăng 0,75% so với tháng trước. Diễn biến này xuất hiện chủ yếu do kỳ vọng Fed tăng lãi suất khi chỉ số đồng đô la (DXY) tăng 3,3% trong tháng Hai. Nguồn cung ngoại tệ có khả năng bị thắt chặt nhẹ do nhập siêu 0,9 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm và giai đoạn kiều hối cao do dịp lễ hội đã qua.
- Giá vàng trên thị trường thế giới tăng mạnh và lên trên 1.909 USD/oz (+6,6% m/m), trong khi giá vàng trong nước tiến gần 65,95 triệu đồng/lượng vào ngày 28/2 (+5,5% m/m) và giao dịch ở mức cao hơn khoảng 24% so với giá thế giới, giảm nhẹ so với 26% vào cuối tháng 1.
- Bất chấp việc FED dự kiến tăng lãi suất, chúng tôi kỳ vọng VND nhìn chung sẽ duy trì được sức mạnh trong những tháng tới nhờ xuất khẩu tăng mạnh, dòng vốn FDI được cải thiện và dự trữ ngoại hối dồi dào.

Tỷ giá USD/VND và các đồng tiền trong khu vực



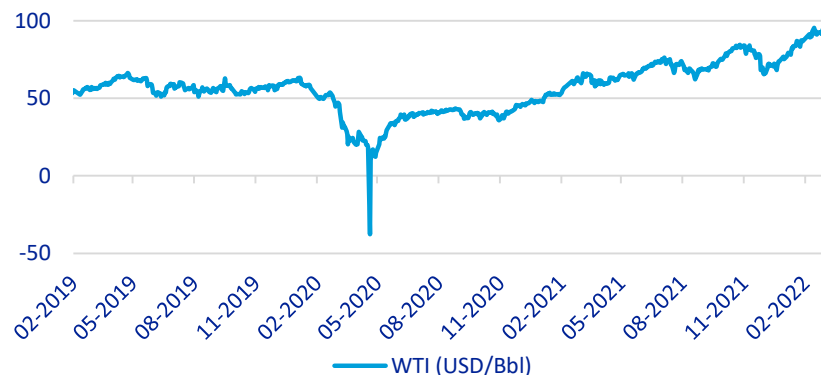
Nguồn: Bloomberg, ACBS. Ghi chú: Chênh lệch so với ngày 31/12/2019

Dự trữ ngoại hối của Việt Nam



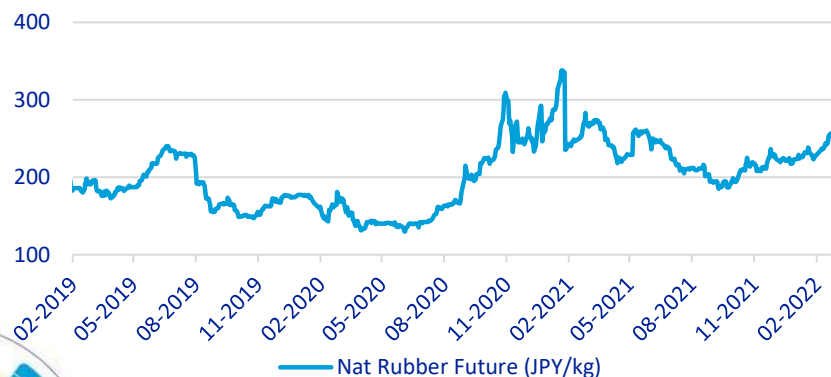
Nguồn: WB, ADB, ACBS

Dầu thô WTI



Nguồn: Bloomberg, ACBS

Cao su tự nhiên

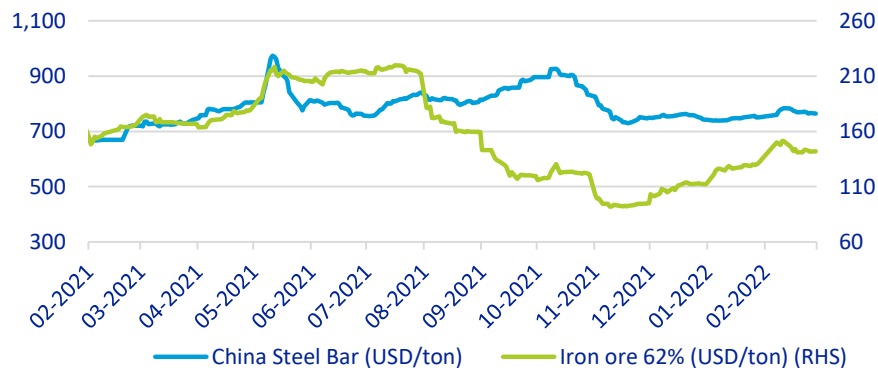


Nguồn: Bloomberg, ACBS

- ❖ Dầu vượt lên trên 100 đô la Mỹ một thùng lần đầu tiên kể từ năm 2014 (hiện tại là 125,9 đô la Mỹ vào ngày 9 tháng 3) khi cuộc khủng hoảng Ukraine leo thang thành cuộc chiến, gây ảnh hưởng đến nguồn cung cấp dầu khí toàn cầu. Nhiều biện pháp trừng phạt đã được đưa ra nhằm vào Nga, không loại trừ ngành công nghiệp dầu khí. Do mức giá dầu cao hiện nay, nguồn cung dự kiến sẽ tăng thêm đến từ Hoa Kỳ và các quốc gia không phải OPEC khác vào giữa năm 2022 đến 2023. Mặt khác, nhu cầu dầu dự kiến sẽ tăng nhờ kinh tế đang phục hồi, nhu cầu vận chuyển và tiến độ tiêm chủng. Tuy nhiên, sự tăng trưởng có thể bị chậm lại do Omicron hoặc các biến thể tiềm năng khác cũng như mối quan tâm của sự phục hồi kinh tế với các xung đột địa chính trị.

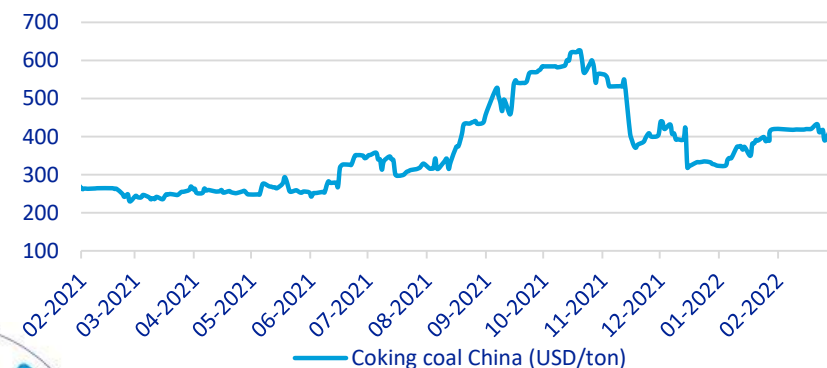
- ❖ Giá cao su tự nhiên kỳ hạn trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kết thúc tháng 2 ở mức 261,5 JPY, tăng 16,1% m/m do giá dầu tăng mạnh và nguồn cung cao su tự nhiên ở Thái Lan và Indonesia vẫn bị ảnh hưởng bởi COVID-19 và lũ lụt do mưa lớn làm cho thiếu hụt cao su tự nhiên.
- ❖ Nhu cầu lốp xe tại các thị trường nhập khẩu chính như EU, Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ dự kiến sẽ tăng nhờ kinh tế phục hồi, đặc biệt là nhu cầu ô tô tăng cao trong cuộc khủng hoảng COVID-19. Tuy nhiên, giá có thể sẽ giảm trong ngắn hạn do cuộc khủng hoảng thiếu chip một phần ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng Ukraine leo thang thành chiến tranh từ cuối tháng 2 có thể làm cho ngành sản xuất ô tô bị chậm lại.

Giá thép thanh và quặng sắt



Nguồn: Bloomberg, ACBS

Than luyện cốc



Nguồn: Bloomberg, ACBS

- ❖ Giá thép toàn cầu dao động quanh mức 760 USD / tấn trong tháng Hai. Giá thép toàn cầu có thể tăng nhẹ trong tháng 3 khi EU áp dụng một số biện pháp trừng phạt mới đối với các công ty kim loại của Nga, gây áp lực lên nguồn cung thép toàn cầu. Nhu cầu thép của Trung Quốc cũng dự kiến sẽ tăng trong khi chính phủ Trung Quốc tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng.
- ❖ Giá quặng sắt tiếp tục phục hồi trong tháng 2 do chính quyền Trung Quốc duy trì các chính sách thắt chặt sản xuất nghiêm ngặt dự kiến sẽ kéo dài đến tháng 3 năm 2022. Nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới này đã đề xuất quá trình giảm phát thải cacbon chậm hơn và đang có kế hoạch nâng sản lượng quặng sắt tại các mỏ ở nước ngoài lên 220 triệu tấn vào năm 2025 cũng như tăng nguồn cung cấp nguyên liệu thô trong nước. Với kỳ vọng nhu cầu ở Trung Quốc sẽ tăng lên nếu nước này bổ sung thêm gói kích thích tài khóa cho cơ sở hạ tầng để phục hồi nền kinh tế. Chúng tôi duy trì kỳ vọng tăng giá quặng sắt với sự hướng dẫn chặt chẽ về sản xuất từ các công ty khai thác lớn
- ❖ Giá than luyện cốc tăng vào cuối tháng 2 do chiến tranh Nga - Ukraine dẫn đến khủng hoảng năng lượng quốc tế và nhiều nước đang cạnh tranh để tìm nguồn cung cấp than đá thay thế. Nga nắm giữ 176,771 triệu tấn than dự trữ tính đến năm 2016, đứng thứ 2 trên thế giới và chiếm khoảng 16% tổng trữ lượng than của thế giới. Tỷ trọng của Nga trong khối lượng xuất khẩu than toàn cầu tăng lên 17,8% vào năm 2020 (từ 16,6% vào năm 2019, theo Statista.com). Điều này làm trầm trọng thêm tình trạng gián đoạn nguồn cung trong ngắn hạn từ Úc, vốn đang giảm do các vùng của New South Wales và Queensland bị ngập lụt liên tục trong những tháng gần đây, cùng với việc lực lượng lao động vắng mặt nhiều do Covid-19 và Indonesia, nước đang tạm thời cấm xuất khẩu than.

Các chỉ số vĩ mô chính

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Chỉ số hàng tháng	03-2021	04-2021	05-2021	06-2021	07-2021	08-2021	09-2021	10-2021	11-2021	12-2021	01-2022	02-2022
Sản xuất công nghiệp (% y/y)	3.6%	22.2%	11.8%	4.9%	-0.3%	-7.8%	-7.6%	-1.8%	8.2%	8.7%	2.8%	8.5%
Khai khoáng	-8.3%	-0.7%	-5.9%	-4.9%	-10.9%	-2.8%	-13.0%	-8.2%	6.2%	-7.1%	-1.7%	-4.1%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	5.3%	26.4%	14.4%	6.0%	0.7%	-9.3%	-6.5%	-0.8%	8.6%	10.9%	2.9%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	3.5%	19.8%	12.7%	6.2%	1.7%	-1.9%	-11.7%	-4.8%	6.8%	9.1%	5.2%	8.0%
Cung cấp nước & xử lý chất thải	5.8%	11.8%	4.1%	-0.1%	1.0%	-0.1%	-1.9%	-0.5%	0.4%	0.8%	4.1%	0.8%
PMI	53.6	54.7	53.1	44.1	45.1	40.2	40.2	52.1	52.2	52.5	53.7	54.3
Bán lẻ trong nước (% y/y)	9.2%	30.9%	-1.0%	-6.6%	-19.8%	-33.7%	-28.4%	-19.5%	-12.2%	1.1%	1.3%	3.1%
CPI (% m/m)	-0.3%	0.0%	0.2%	0.2%	0.6%	0.2%	-0.6%	-0.2%	0.3%	-0.2%	0.2%	1.0%
CPI (% y/y)	1.2%	2.7%	2.9%	2.4%	2.6%	2.8%	2.1%	1.8%	2.1%	1.8%	1.9%	1.4%
Kim ngạch xuất khẩu (USDm)	29,654	26,550	26,193	27,204	27,865	27,228	27,026	28,870	31,870	34,592	30,845	22,947
Kim ngạch nhập khẩu (USDm)	28,457	27,775	28,267	27,659	29,112	27,338	26,666	26,130	30,610	31,623	29,449	25,279
Cán cân thương mại (USDm)	1,197	-1,225	-2,074	-455	-1,247	-110	360	2,740	1,260	2,970	1,396	-2,332
FDI giải ngân (USDm)	1,600	1,400	1,650	2,090	1,260	1,080	1,700	1,870	1,950	2,640	1,612	1,068
FDI đăng ký trừ vốn góp (USDm)	4,410	1,879	1,483	978	1,007	1,638	2,614	1,184	1,971	2,181	1,658	2,568

Các chỉ số vĩ mô chính

Kinh tế vĩ mô Thị trường vốn Chủ đề thời sự Tóm tắt ngành

Chỉ số hàng năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	YTD-2022
GDP	5.4%	6.0%	6.7%	6.2%	6.8%	7.1%	7.0%	2.9%	2.6%	
Sản xuất công nghiệp	5.9%	7.6%	9.8%	7.5%	9.4%	10.2%	9.1%	3.4%	4.8%	5.4%
Bán lẻ trong nước	12.6%	10.6%	9.5%	10.2%	10.9%	11.7%	11.8%	2.6%	-3.8%	1.7%
Chỉ số giá tiêu dùng	6.6%	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%	2.8%	3.2%	1.9%	1.7%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	132.03	150.22	162.02	176.58	215.12	243.70	264.34	282.53	336.25	53.79
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	132.03	147.85	165.78	174.98	213.22	236.87	254.09	262.67	332.25	54.73
Cán cân thương mại (USDbn)	0.00	2.37	-3.76	1.60	1.90	6.83	10.25	19.86	4.00	-0.94
FDI giải ngân (USDbn)	11.50	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10	20.38	19.98	19.74	2.68
FDI đăng ký (USDbn)	21.63	20.23	22.76	20.95	29.97	25.57	22.55	21.06	24.26	4.23

Chỉ số hàng quý	4Q-2019	1Q-2020	2Q-2020	3Q-2020	4Q-2020	1Q-2021	2Q-2021	3Q-2021	4Q-2021
GDP (% y/y)	7.0%	3.7%	0.4%	2.7%	4.5%	4.7%	6.7%	-6.0%	5.2%
Nông - lâm - ngư nghiệp	1.6%	0.0%	1.8%	2.8%	4.7%	3.5%	4.0%	1.2%	3.2%
Công nghiệp & Xây dựng	7.9%	5.0%	1.7%	3.2%	5.6%	6.3%	10.4%	-5.5%	5.6%
Dịch vụ	8.1%	3.3%	-1.9%	2.8%	4.3%	3.6%	4.2%	-8.6%	5.4%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% y/y)	7.4%	5.6%	0.2%	2.0%	6.3%	5.7%	12.4%	-5.0%	6.4%
Bán lẻ trong nước (% y/y)	12.5%	3.2%	-5.5%	4.4%	8.0%	4.6%	4.1%	-28.3%	0.0%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	69.59	63.31	59.33	79.74	80.15	78.40	78.23	82.15	95.62
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	66.01	59.33	57.41	69.02	76.92	75.61	82.50	83.86	89.07
Cán cân thương mại (USDbn)	3.57	3.98	1.92	10.72	3.23	2.79	-4.27	-1.70	6.55
FDI giải ngân (USDbn)	6.16	3.85	4.80	5.11	6.22	4.10	5.14	4.04	-13.28
FDI đăng ký (USDbn)	6.78	6.60	5.56	3.32	5.58	9.33	4.34	5.26	-18.92

Các chỉ số vĩ mô chính của các nước trên thế giới

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Quốc gia	Tăng trưởng GDP		Lạm phát			PMI sản xuất		
	3Q-2021	4Q-2021	12-2021	01-2022	02-2022	12-2021	01-2022	02-2022
Indonesia	3.5%	5.0%	1.9%	2.2%	2.1%	53.5	53.7	51.2
Malaysia	-4.5%	3.6%	3.2%	2.3%		52.8	50.5	50.9
Phillipines	6.9%	7.7%	3.6%	3.0%	3.0%	51.8	50.0	52.8
Singapore	7.1%	5.9%	4.0%	4.0%				
Thái Lan	-0.3%	1.9%	2.2%	3.2%	5.3%	49.5	51.7	52.5
Việt Nam	-6.0%	5.2%	1.8%	1.9%	1.4%	52.5	53.7	54.3
Trung Quốc	4.9%	4.0%	1.5%	0.9%		50.9	49.1	50.4
Hồng Kông	5.5%	4.8%	2.4%	1.2%				
Đài Loan	3.8%	4.9%	2.6%	2.8%		55.5	55.1	54.3
Nhật Bản	1.4%	0.7%	0.8%	0.5%		54.3	55.4	52.7
Nam Hàn	4.0%	4.1%	3.7%	3.6%	3.7%	51.9	52.8	53.8
Ấn Độ	8.4%	5.4%	5.6%	6.0%		55.5	54.0	54.9
Hoa Kỳ	2.3%	6.9%	7.0%	7.5%		57.7	55.5	57.3

- ❖ Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP của chúng tôi cho năm 2022 nằm trong khoảng từ 5,9 - 6,8%. Dấu hiệu kinh tế tích cực, gói hỗ trợ hồi phục kinh tế được ban hành gần đây, tỷ lệ tiêm chủng cao, chiến lược sống chung với Covid-19 và việc mở cửa trở lại của du lịch quốc tế là các điểm chính cho sự phục hồi mạnh mẽ vào năm 2022.
- ❖ Trong tháng qua có hai sự kiện có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam là khả năng FED tăng lãi suất và căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine. Hai sự kiện trên được cho là sẽ ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ của Việt Nam và gia tăng áp lực tăng lạm phát lên nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ không bị nhiều tác động lớn đối với việc FED tăng lãi suất nếu:
 - ✓ Việt Nam có thể tiếp tục duy trì lạm phát dưới 4%;
 - ✓ Dòng vốn FDI vào tiếp tục mạnh; và
 - ✓ Hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu tiếp tục duy trì ổn định.
- ❖ Ngoài ra, chúng tôi cũng kỳ vọng lạm phát của Việt Nam sẽ duy trì dưới mức mục tiêu 4% của Chính phủ vào năm 2022 nhờ:
 - ✓ Giá lương thực và thực phẩm sẽ ổn khi hoạt động vận tải và chuỗi cung ứng hàng hóa được bình thường hóa vào năm 2022;
 - ✓ Nguồn cung các loại lương thực, thực phẩm sẽ không bị gián đoạn do thiếu cung hoặc nhu cầu đột biến tăng mạnh hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc công suất sản xuất thấp; và
 - ✓ Quy mô gói kích thích tài khóa và tiền tệ tương đối nhỏ (+ ~3% tổng cung tiền và ~4% GDP năm 2021) và sẽ không gây áp lực lớn lên CPI.

CÁC DỰ BÁO CHỌN LỌC VỀ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM NĂM 2022

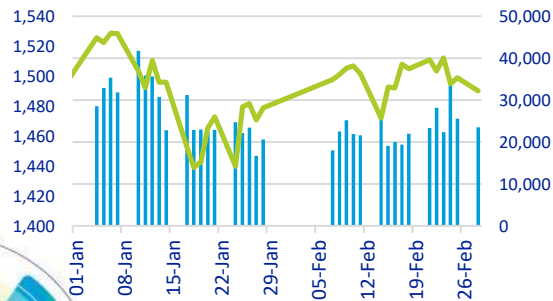
Tổ chức	Dự báo mới nhất	Dự báo trước đây
Ngân hàng Thế giới	5.5% (01/2022)	6.5% - 7.0% (09/2021)
Tổ chức Tiền tệ Quốc tế	7.2% (04/2021)	
Ngân hàng Phát triển Châu Á	6.5% (09/2021)	
Ngân hàng Standard Chartered	6.7% (01/2022)	7.0% (09/2021)
HSBC	6.5% (01/2022)	6.8% (12/2021)

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 của Chính phủ

GDP	6.0% - 6.5%
GDP đầu người	USD 3,900
CPI	4%

Tổng quan thị trường chứng khoán trong tháng 2

Thông kê thị trường		Tháng 2/2022			
Mã Bloomberg	VNIndex				
Khoảng dao động (pts)	1471.96 - 1512.3				
Chỉ số cuối tháng (pts)	1,490.1				
Vốn hóa thị trường (VNDbn)	5,924,292.9				
Vốn hóa thị trường (USDbn)	258.1				
Giá trị giao dịch TB (VNDbn)	23,355.3				
Số mã tăng	341				
Số mã giảm	73				
Nước ngoài mua ròng (USDbn)	-14.9				
Tỷ lệ tham gia NĐT nước ngoài	7.4%				
Tăng trưởng (%)	1M	3M	6M	12M	
VNIndex	0.8	0.8	11.9	27.5	
VN30	-1.0	-1.3	6.2	29.3	



Kết thúc Tết Nguyên đán vào đầu tháng, chỉ số VNIndex khép lại tháng 2 với mức tăng 0,8% lên 1.490,1 điểm trong bối cảnh chiến tranh Nga-Ukraine bùng nổ. Các ca nhiễm Omicron trong cộng đồng mới gia tăng nhanh chóng kết hợp với những bất ổn liên quan đến gián đoạn nguồn cung và áp lực lạm phát đã tác động đến tâm lý nhà đầu tư. Giá trị giao dịch trung bình giảm 15,6% so với tháng 1 nhưng tài khoản mới mở trong tháng 2 tăng 8,4% so với tháng trước mặc dù tháng 2 chỉ có 16 ngày làm việc. Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng với mức bán ròng 14,9 triệu USD, ít hơn mức bán ròng 130 triệu USD trong tháng Giêng. Thị trường chứng khoán đang chứng kiến sự cạnh tranh gia tăng từ các kênh đầu tư khác như ngân hàng với một số đợt tăng lãi suất, hay vàng với đà tăng mạnh trong tháng trước.

VPBank tăng mạnh nhờ kỳ vọng phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nước ngoài. VIC của Vingroup đã giảm 20,6% sau khi báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm ghi nhận lỗ lần đầu tiên kể từ khi niêm yết. Cổ phiếu dầu khí (PLX, PVD, GAS) và thép (HPG, NKG) tăng vọt nhờ giá dầu và thép thế giới tăng, trong khi nhóm ngân hàng và bất động sản giảm mạnh trước dự kiến Fed tăng lãi suất. MSN tăng 9,1% khi tập đoàn này thông báo đã chi thêm 110 triệu USD để tăng tỷ lệ sở hữu tại chuỗi đồ uống Phúc Long từ 20% lên 51%, cho thấy sự hợp lực mạnh mẽ với chiến lược Point-of-Life của MSN. Một cổ phiếu đáng chú ý khác liên quan đến đại dịch COVID-19 là FPT (tăng 4,2%), chủ sở hữu của Dược Long Châu, dự kiến sẽ được cấp phép bán thuốc điều trị COVID-19 Molnupiravir, đặt mục tiêu tăng 20% doanh thu trong năm nay lên 27 nghìn tỷ đồng.

Những ngành tăng mạnh nhất/ thấp nhất trong tháng

5 ngành tăng mạnh nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng trong tháng
Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-59.8%	29.0%
Truyền thông & giải trí	-15.1%	19.1%
Phản cứng & thiết bị công nghệ	-25.3%	17.1%
Dịch vụ tiêu dùng	-0.6%	16.6%
Nguyên vật liệu	6.1%	14.4%
5 ngành tăng thấp nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng trong tháng
Bất động sản	-25.9%	-4.8%
Ngân hàng	-0.7%	-4.3%
Hàng gia dụng	-0.3%	-0.4%
Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	-16.8%	4.5%
Phần mềm	-41.3%	4.6%

Những ngành tăng mạnh nhất/ thấp nhất từ đầu năm

5 ngành tăng mạnh nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng từ đầu năm
Năng lượng	20.8%	14.8%
Dịch vụ tiện ích	-6.5%	13.5%
Dịch vụ tiêu dùng	-0.6%	12.6%
Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-59.8%	7.3%
Vận tải	28.2%	7.1%
5 ngành tăng thấp nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng từ đầu năm
Dịch vụ viễn thông	-51.1%	-10.9%
Dịch vụ tài chính đa dạng	-27.8%	-9.6%
Bất động sản	-25.9%	-6.3%
Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	-16.8%	-3.1%
Ô tô & phụ tùng	-23.1%	-2.5%

- Được hỗ trợ bởi giá thép tăng, ngành nguyên vật liệu (+14,4%), với sự đóng góp lớn từ HPG, đã có sự trở lại mạnh mẽ trong tháng 2 nhờ sự gia tăng giao dịch trên thị trường. Nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng (+16,6%) bao gồm nhiều cổ phiếu của các công ty dịch vụ như DSN, AST, VNG, TCT .. cũng tăng mạnh do các công ty này có khả năng hưởng lợi từ đợt Tết và sự phục hồi của hoạt động du lịch.
- Ở chiều ngược lại, hai lĩnh vực vốn hóa thị trường lớn nhất là ngân hàng và bất động sản đã giảm hơn 4% trong tháng trước khi Fed dự kiến tăng lãi suất, kéo VNIndex chỉ tăng 0,8% vào cuối tháng dù hầu hết các ngành khác đều tăng.

Thành phần và định giá HOSE cuối tháng

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

STT	Ngành	Số mã CK	Vốn hóa (VNDtn)	Tỷ trọng	TT 1M	TT YTD	P/E	P/B	ROA	ROE	GTGD TB ngày (%m/m)	NN mua ròng 1M (VNDbn)	NN mua ròng YTD (VNDbn)
1	Ngân hàng	17	1,869.7	31.2%	-4.3%	4.3%	14.51	2.47	1.78%	19.50%	-0.7%	-103.4	1,827.1
2	Bất động sản	49	1,240.0	21.3%	-4.8%	-6.3%	35.27	3.16	6.54%	14.53%	-25.9%	-662.3	273.9
3	F&B	34	592.1	10.2%	5.6%	-2.4%	23.04	4.57	11.56%	24.65%	-36.5%	297.7	-5,324.0
4	Nguyên vật liệu	64	546.8	9.3%	14.4%	0.2%	25.96	2.57	15.79%	29.69%	6.1%	-1,045.4	-1,721.4
5	Dịch vụ tiện ích	28	380.1	6.5%	5.8%	13.5%	24.31	3.43	10.21%	15.17%	-6.5%	-11.8	267.4
6	Tư liệu sản xuất	77	329.7	5.6%	11.4%	-2.4%	75.59	2.84	4.57%	13.58%	-33.7%	117.7	649.1
7	Vận tải	27	217.3	3.8%	11.9%	7.1%	42.32	8.70	0.73%	-58.91%	28.2%	666.8	170.5
8	Dịch vụ tài chính đa dạng	16	179.4	3.0%	9.2%	-9.6%	13.69	2.97	9.60%	26.41%	-27.8%	145.8	390.8
9	Bán lẻ	9	115.3	2.0%	5.9%	2.8%	20.08	4.67	8.46%	26.58%	-8.4%	-77.9	-15.8
10	Năng lượng	9	107.0	1.9%	12.6%	14.8%	149.94	2.69	4.00%	10.62%	20.8%	-252.9	-211.4
11	Phần mềm	3	91.9	1.6%	4.6%	0.2%	21.71	4.56	8.72%	24.60%	-41.3%	5.6	-16.7
12	Bảo hiểm	5	57.6	1.0%	7.5%	3.4%	21.19	1.98	2.02%	10.34%	5.6%	41.4	16.7
13	Hàng tiêu dùng lâu bền & trang phục	18	53.4	0.9%	5.1%	5.8%	67.29	3.87	9.12%	17.58%	14.7%	212.1	132.1
14	Dược phẩm, CN sinh học & đời sống	10	33.9	0.6%	5.9%	1.2%	20.03	3.12	13.10%	16.76%	164.8%	11.4	28.5
15	Chưa phân loại	15	31.1	0.5%	9.3%	-4.6%	17.19	2.73	3.71%	14.57%	-7.5%	16.6	16.6
16	Phần cứng & thiết bị công nghệ	1	10.9	0.2%	17.1%	-0.8%	16.40	6.10	13.67%	44.73%	-25.3%	102.5	-7.3
17	Dịch vụ tiêu dùng	9	10.4	0.2%	16.6%	12.6%	318.70	3.58	-6.08%	-6.13%	-0.6%	-0.7	0.2
18	Ô tô & phụ tùng	6	9.3	0.2%	7.1%	-2.5%	19.59	1.87	6.88%	13.29%	-23.1%	9.7	19.3
19	Thương mại & DV chuyên nghiệp	5	5.3	0.1%	4.5%	-3.1%	14.36	1.67	8.51%	11.81%	-16.8%	-17.5	-20.8
20	Thiết bị & DV chăm sóc sức khỏe	3	4.2	0.1%	29.0%	7.3%	21.23	2.76	2.51%	6.93%	-59.8%	24.1	104.9
21	Dịch vụ viễn thông	1	2.3	0.0%	11.4%	-10.9%	34.66	2.78	1.92%	8.35%	-51.1%	0.0	-0.3
22	Truyền thông & giải trí	2	1.9	0.0%	19.1%	1.6%	39.68	2.58	4.75%	8.56%	-15.1%	0.4	1.6
23	Hàng gia dụng	1	1.7	0.0%	-0.4%	1.0%	10.62	2.20	15.30%	24.11%	-0.3%	-0.6	1.6
	VNIndex	423	5,924.3	100.0%	0.8%	-0.5%	16.98	2.62	2.57%	15.56%	-15.6%	-338.6	-3,304.7
	VN30 Index	30	3,983.4	67.2%	-1.0%	-0.4%	13.92	2.70	2.92%	19.99%	-9.5%	-116.3	-6,661.5

Nguồn: Bloomberg, ACBS

Danh sách 20 mã có vốn hóa thị trường lớn nhất (đến ngày 28/02/2022)

STT	Mã CK	Tên công ty	Vốn hóa thị trường (VNDtn)	Tăng trưởng 1M	Tăng trưởng YTD	P/E	P/B	Room NN còn lại (%)
1	VCB	Vietcombank	399.9	-5.1%	7.2%	18.3	3.6	6.3%
2	VHM	Vinhomes	337.5	-3.5%	-5.5%	8.6	2.6	26.1%
3	VIC	VinGroup	293.7	-20.6%	-19.0%	(107.5)	2.9	35.2%
4	GAS	PV Gas	225.8	8.3%	22.7%	26.0	4.4	46.0%
5	BID	BIDV	221.1	-8.9%	17.8%	20.9	2.7	13.1%
6	HPG	Hòa Phát	211.1	11.8%	1.7%	6.1	2.3	25.8%
7	MSN	Tập đoàn Masan	184.2	9.1%	-8.8%	21.5	5.6	20.2%
8	TCB	Techcombank	177.0	-4.5%	0.8%	9.8	1.9	0.0%
9	VPB	VPBank	168.9	3.7%	6.1%	14.3	2.2	-2.0%
10	VNM	VINAMILK	163.9	-5.7%	-7.7%	15.6	5.0	45.7%
11	CTG	VietinBank	159.3	-10.2%	-2.2%	11.3	1.7	4.0%
12	NVL	Novaland	145.4	-5.8%	-17.3%	44.4	4.1	31.2%
13	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	136.6	9.5%	-7.6%	32.1	2.9	12.5%
14	MBB	MBBank	130.0	2.1%	19.0%	10.2	2.2	0.0%
15	SAB	SABECO	108.9	14.2%	13.9%	29.6	5.1	37.3%
16	MWG	Thế giới di động	96.9	2.6%	0.1%	19.7	4.8	0.0%
17	ACB	Ngân hàng Á Châu	91.6	-1.9%	-1.7%	9.5	2.0	0.0%
18	FPT	FPT Corp	84.7	4.2%	0.3%	19.5	4.7	0.0%
19	BCM	Becamex IDC	81.8	-0.3%	23.4%	64.2	5.2	46.4%
20	PLX	Petrolimex	79.2	11.1%	15.6%	27.6	3.2	2.9%

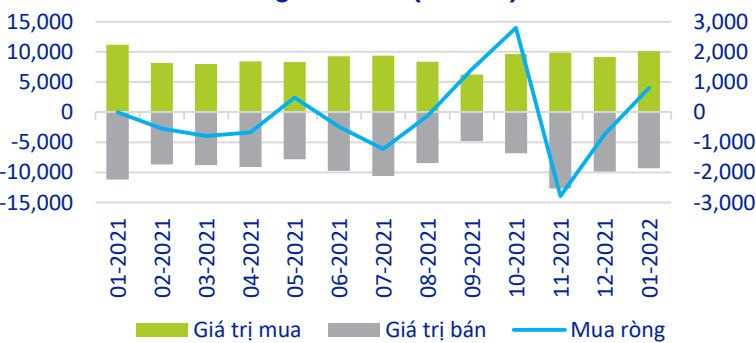
Nguồn: Bloomberg, FiinPro, ACBS

Tỷ trọng đóng góp trong VNIndex Tháng 2/2022



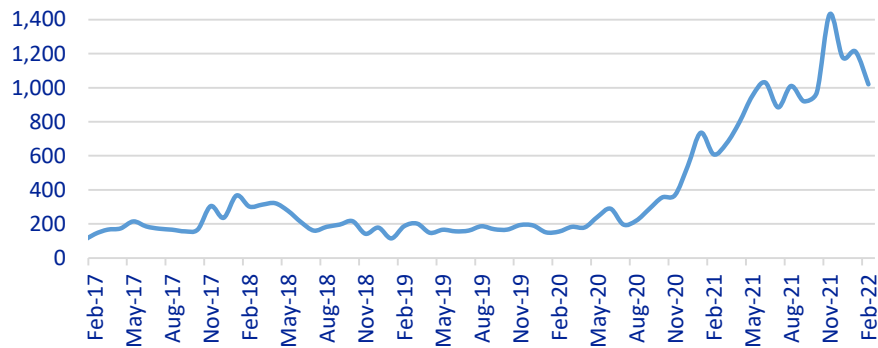
Ghi chú: Điểm tác động (pts)

Giao dịch tự doanh của các CTCK trong VNIndex (VNDbn)



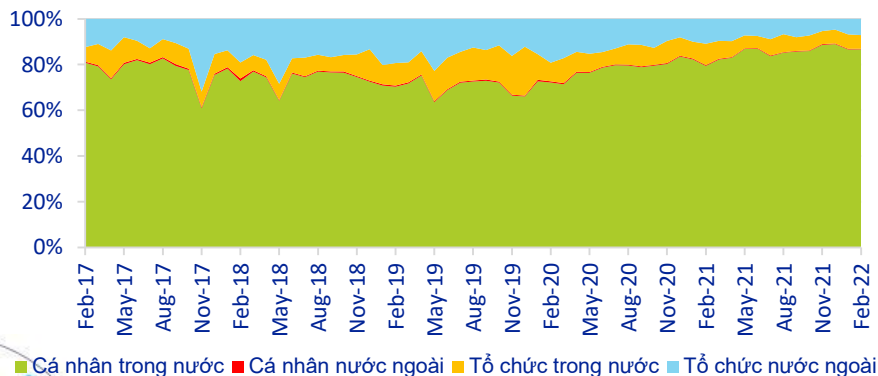
Nguồn: FiinPro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày (Triệu USD)



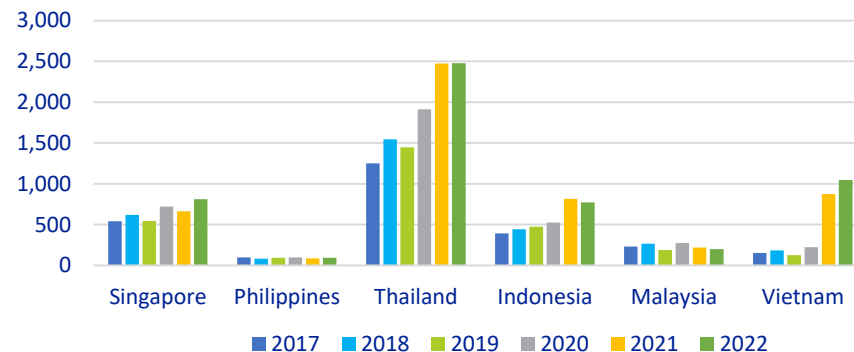
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư



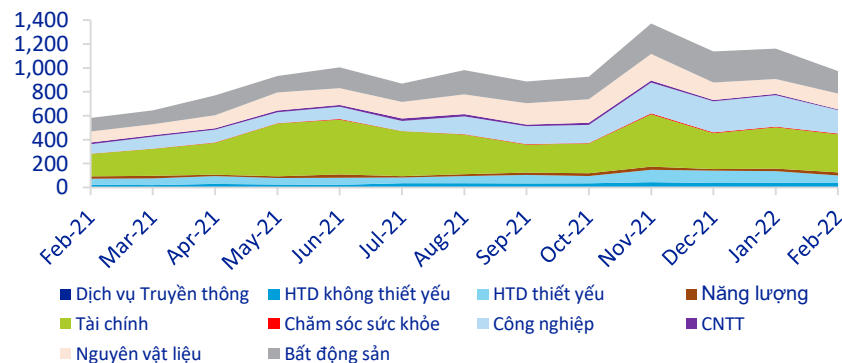
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày của các thị trường ASEAN (Triệu USD)



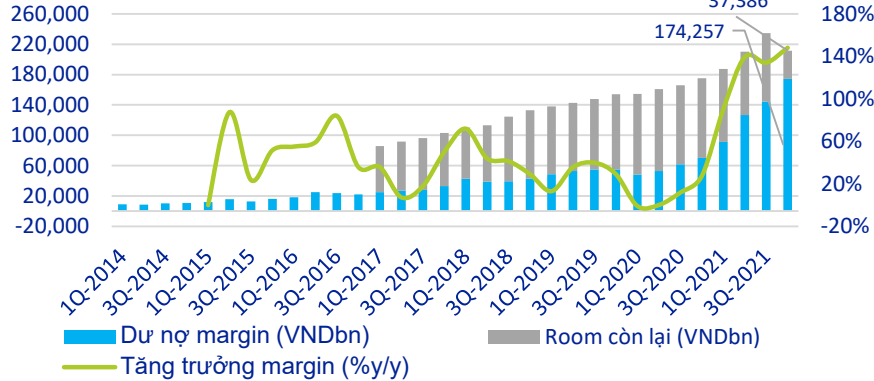
Nguồn: Bloomberg, ACBS

Giá trị giao dịch TB ngày theo ngành (Triệu USD)



Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

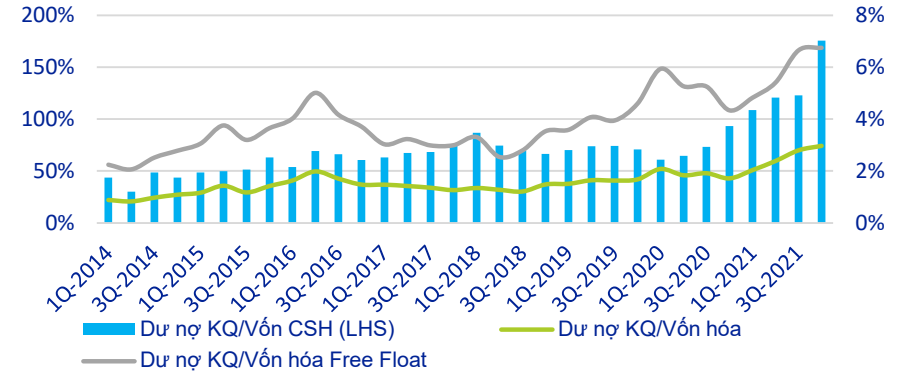
Dư nợ ký quỹ



Nguồn: Fiin Pro, ACBS. Ghi chú: room margin dựa trên giới hạn cho vay KQ của các CTCK

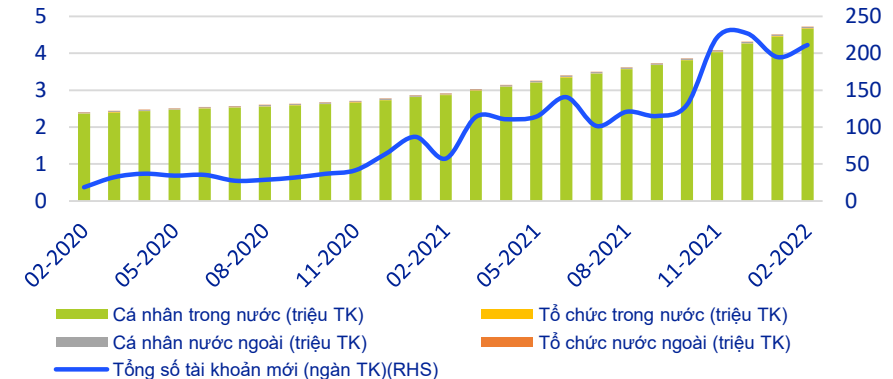
- Dư nợ cho vay ký quỹ toàn thị trường đến tháng 12 năm 2021 đạt 175 nghìn tỷ đồng, tăng 148% và tương đương 176% vốn chủ sở hữu, vẫn khá ổn trong giới hạn 200%. Dư nợ ký quỹ so với vốn hóa thị trường free float duy trì ở mức 6,7%. Thời gian qua, nhiều công ty chứng khoán đã thắt chặt chính sách ký quỹ để đối phó với biến động của thị trường cùng với sự tăng cường giám sát của các cơ quan quản lý giúp đảm bảo tuân thủ và ổn định thị trường.
- Có 211.145 tài khoản giao dịch mới được mở trong tháng 2, cao hơn 8,4% so với tháng trước mặc dù tháng 2 chỉ có 16 ngày làm việc, chủ yếu do sự đóng góp từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước.

Đòn bẩy ký quỹ



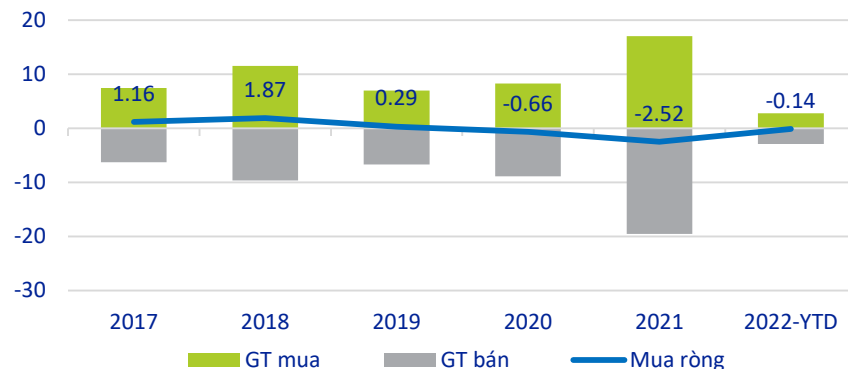
Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

Số lượng tài khoản giao dịch



Nguồn: GSO, ACBS

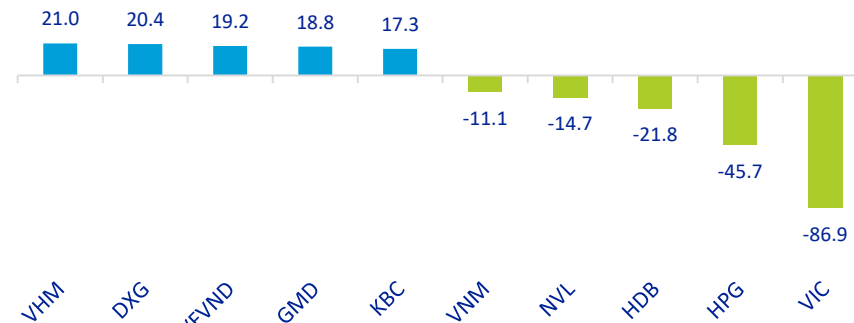
Giao dịch NĐT nước ngoài - VNIndex (Tỷ USD)



Nguồn: FiinPro, ACBS

- ❖ Dòng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục âm với giá trị bán ròng 14,9 triệu đô la Mỹ tính đến ngày 28/2/2022, ít hơn mức bán ròng 130 triệu đô la Mỹ trong tháng Giêng. Trong đó, khối ngoại đã mua ròng các quỹ ETF trong nước với số tiền khoảng 7,9 triệu USD trong tháng 2.
- ❖ Nhóm Vận tải và Tài chính Đa dạng nhận được vốn ngoại cao nhất trong tháng trong khi Vật liệu và Năng lượng bị bán ròng. Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhiều cổ phiếu bất động sản như VHM, DXG, KBC. Cổ phiếu VIC tiếp tục nằm trong top bán ra của khối ngoại.
- ❖ Hầu hết các cổ phiếu ASEAN đều nhận được dòng vốn đầu tư nước ngoài trong hai tháng đầu năm 2022, ngoại trừ Việt Nam và Đài Loan

Mã CK được NĐTNN mua ròng nhiều nhất trong tháng (Triệu USD)

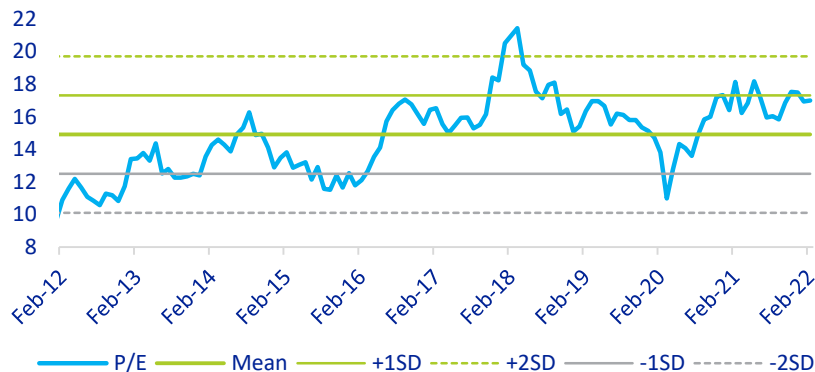


Nguồn: FiinPro, ACBS

Thị trường	NN mua ròng 1M (Tỷ USD)	NN mua ròng YTD (Tỷ USD)	Vốn hóa TT (Tỷ USD)	NN Mua ròng YTD/ Vốn hóa TT
Việt Nam	-0.02	-0.15	258.1	-0.06%
Indonesia	1.21	1.65	602.4	0.27%
Malaysia	0.53	0.64	254.7	0.25%
Philippines	0.12	0.08	197.3	0.04%
Thái Lan	1.82	2.23	606.3	0.37%
Đài Loan	-5.37	-7.87	1,933.6	-0.41%

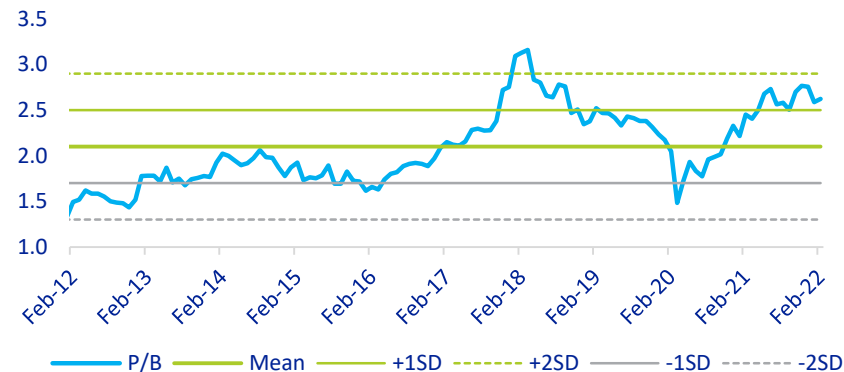
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex trong 10 năm



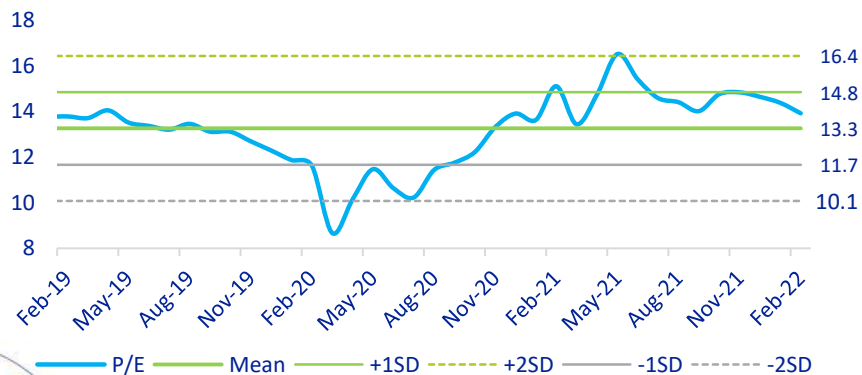
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/B của VNIndex trong 10 năm



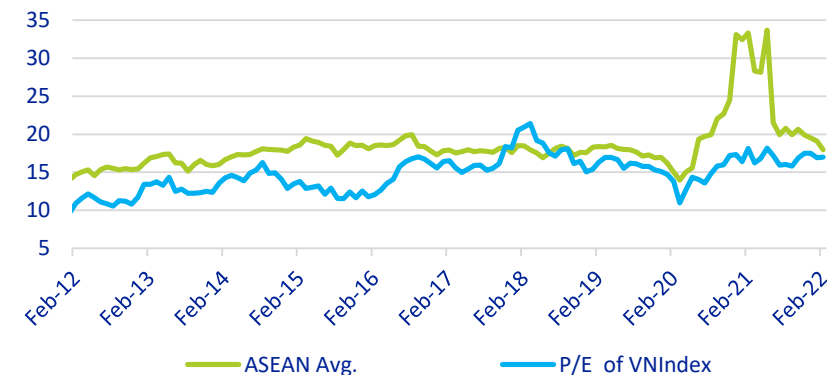
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VN30 trong 3 năm



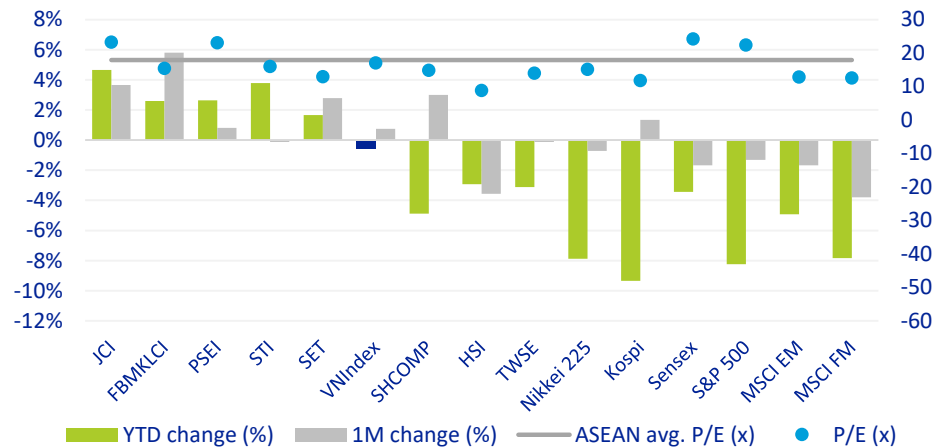
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex và các thị trường trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, ACBS

Tăng trưởng của VNIndex và các chỉ số khác



Nguồn: Bloomberg, ACBS

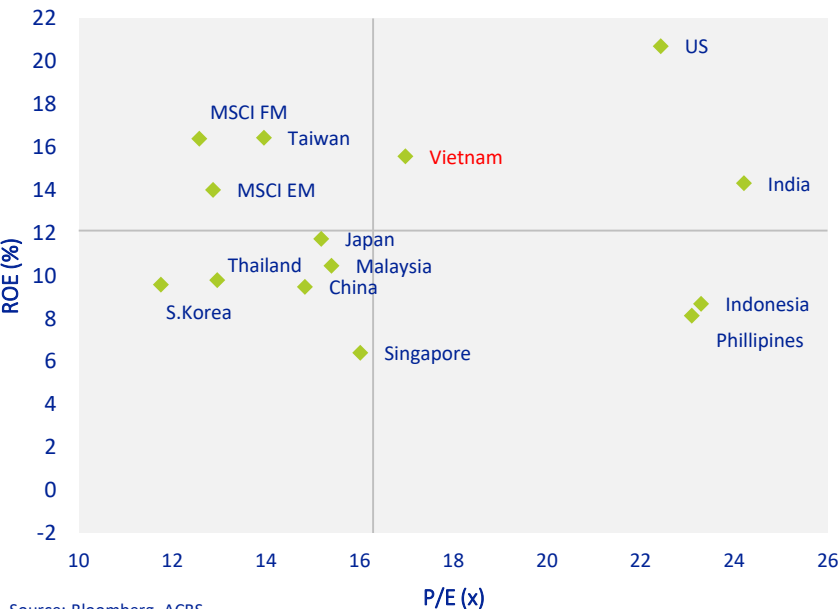
Tăng trưởng thu nhập và P/E dự tính

Quốc gia	2022E EPS growth (%)	02/2022 P/E (x)	2022F P/E (x)
Việt Nam (*)	21.8%	17.0	14.7
Trung bình	17.0%	18.0	15.6
Indonesia	48.9%	23.3	16.2
Malaysia	1.6%	15.4	15.1
Phillipines	35.9%	23.1	17.3
Singapore	22.2%	16.0	13.1
Thái Lan	-28.2%	13.0	18.0

Nguồn: Bloomberg, *ACBS

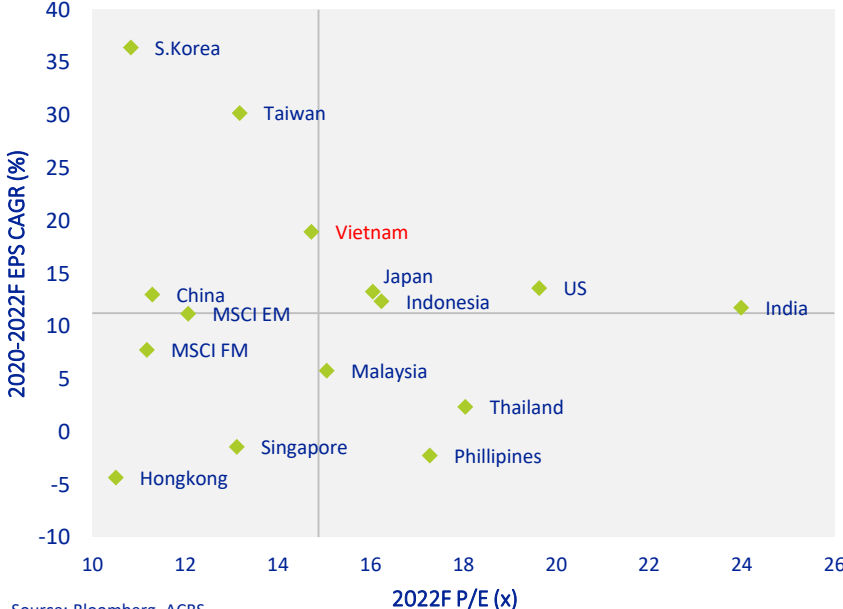
- ❖ Trong khi nhiều thị trường chứng khoán trên thế giới giảm điểm trong tháng 2, thì chỉ số chứng khoán của các nước ASEAN như Indonesia, Malaysia, Thái Lan lại tăng và đón nhận nhiều vốn hơn của nhà đầu tư nước ngoài. VNIndex cũng tăng 0,8% và giao dịch ở mức P/E ~ 17, thấp hơn mức trung bình của các thị trường ASEAN.

P/E và ROE của các chỉ số trên thế giới



Source: Bloomberg, ACBS

Định giá thị trường



Source: Bloomberg, ACBS

- ❖ ROE hiện tại của VNIndex khoảng 15,6%, nằm trong số các thị trường có tỷ suất sinh lợi cao nhất. Với mức tăng EPS dự kiến 21,8% cho năm 2022 của chúng tôi, tỷ suất sinh lợi kép dự kiến cho giai đoạn 2020-2022 của VNIndex sẽ đạt khoảng 19%, cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam đã vượt qua cơn bão đại dịch rất tốt so với các nước cùng khu vực. Cùng với P/E kỳ vọng ở mức 13,8, thị trường Việt Nam tương đối hấp dẫn để đầu tư trong dài hạn so với các thị trường ngang hàng.

- ❖ Trong ngắn hạn, Việt Nam sẽ mở cửa du lịch quốc tế vào ngày 15 tháng 3, việc này sẽ tạo sự khởi sắc cho các hoạt động liên quan đến du lịch trong năm 2022. Giá dầu thô, thép và giá cao su tăng có lợi cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực thăm dò dầu khí, phân phối xăng dầu, sản xuất thép và sản xuất cao su thiên nhiên. Khi rủi ro và sự không chắc chắn gia tăng từ việc các ngân hàng trung ương tăng lãi suất, có thể sẽ có một "chuyến bay đến vùng an toàn" để thoát khỏi các cổ phiếu đầu cơ và chuyển sang các cổ phiếu vốn hóa lớn có yếu tố cơ bản vững chắc.
- ❖ Xét về triển vọng dài hạn, việc gia nhập vào thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng nhiều, đặc biệt là từ các nhà đầu tư cá nhân, báo hiệu tốt cho sự phát triển liên tục của thị trường với sự hỗ trợ bởi các nhà đầu tư trong nước. Trong khi dòng vốn ngoại cho đến nay vẫn âm, chúng tôi cho rằng không có sự thay đổi cơ cấu nào đối với thị trường có thể khiến nhà đầu tư nước ngoài rút vốn quá lâu do triển vọng trong dài hạn của thị trường Việt Nam quá hấp dẫn để bỏ qua. Chúng tôi cũng tin rằng làn sóng thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước và niêm yết mới sẽ bắt đầu trong bối cảnh thị trường chứng khoán đang tốt như hiện nay, mang đến cơ hội đầu tư mới cho các nhà đầu tư. Nền tảng mới của HOSE dự kiến sẽ được áp dụng vào quý 2 năm 2022 được kỳ vọng sẽ có các chức năng mới như giao dịch trong ngày T+0, giao dịch trái phiếu, Đối tác thanh toán bù trừ trung tâm (CCP) và các sản phẩm khác góp phần vào sự phát triển của thị trường.
- ❖ Vấn đề trước mắt mà thị trường đang chú ý lúc này là quyết định tăng lãi suất của Fed và sự thắt chặt chính sách tiền tệ trên toàn thế giới để đối phó với lạm phát gia tăng. Cuộc chiến ở Ukraine bùng nổ khiến các nhà đầu tư luôn dõi theo xem ảnh hưởng có thể xảy ra đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào, vốn chưa rõ ràng do tất cả những điều không chắc chắn xung quanh tình hình hiện nay, tuy nhiên những lo ngại ban đầu dường như xoay quanh việc giá dầu tăng và tác động của chúng lên lạm phát. Các lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đang phục hồi trong những tháng gần đây, kết hợp với CPI thấp, đồng nội tệ mạnh lên, thanh khoản thị trường ngày càng tăng và vai trò ngày càng tăng của các nhà đầu tư trong nước, chúng tôi tin rằng VNIndex có thể tăng trưởng khi đối mặt với biến động thị trường toàn cầu và khả năng tăng lãi suất của ngân hàng trung ương. Chúng tôi đang theo dõi sự gia tăng đột biến của tỷ lệ COVID-19 nói chung và các trường hợp diễn biến nặng trên toàn quốc do sự quá tải của cơ sở hạ tầng chăm sóc sức khỏe có thể gây ra mối đe dọa cho sự phục hồi kinh tế và làm gián đoạn hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn. Tuy nhiên, với tỷ lệ tiêm chủng cao trong nước cùng với việc tiếp cận các phương pháp điều trị ngày càng tăng, chúng tôi kỳ vọng sẽ không có bất kỳ động thái lớn nào cản trở sự phục hồi kinh tế.

- ❖ Trong thời gian sắp tới, chúng tôi tin rằng thu nhập của thị trường Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng ở mức 21,8% so với năm ngoái nhờ vào các lĩnh vực ngân hàng, bất động sản và vật liệu xây dựng, cũng như sự phục hồi của tiêu dùng nội địa sau đại dịch. Dựa trên mức P/E trung bình 3 năm là 16 lần và kỳ vọng thu nhập trong trường hợp cơ sở của chúng tôi, chúng tôi ước tính chỉ số này sẽ kết thúc năm ở mức thấp 1.700, tương đương với mức F.P/E là ~ 13,8 lần vào cuối tháng 2/2022.
- ❖ Kịch bản lạc quan dựa trên việc nối lại các chuyến bay quốc tế trên toàn thế giới kết hợp với tác động tích cực từ gói tài khóa và tiền tệ của Chính phủ Việt Nam và khi đó thu nhập doanh nghiệp sẽ vượt quá kỳ vọng của chúng tôi. Dựa trên kịch bản đó, kỳ vọng thu nhập của chúng tôi sẽ tăng và chúng tôi giả định rằng bội số thu nhập sẽ duy trì ở mức hiện tại (P/E~17), và chỉ số sẽ đạt mức 1.900-2.000 điểm và tương ứng với F.P/E 2022 là 12,8 lần vào cuối T2/2022.
- ❖ Cuối cùng, kịch bản bi quan có thể xảy ra do các biến thể COVID-19 mới, dẫn đến việc Việt Nam và nhiều quốc gia khác phải ban hành các biện pháp hạn chế xã hội nghiêm ngặt, điều này sẽ làm trì hoãn sự phục hồi kinh tế theo dự kiến hoặc cuộc chiến ở Ukraine leo thang kéo nhiều quốc gia vào cuộc xung đột hơn sẽ tác động đến nền kinh tế toàn cầu và làm tăng áp lực lên lạm phát trên toàn thế giới. Điều này có thể dẫn đến thu nhập giảm so với kỳ vọng của chúng tôi và định giá thị trường giảm do sự thờ ơ của nhà đầu tư mới vốn đã ủng hộ thị trường trong thời gian gần đây. Trong kịch bản này, chúng ta có thể thấy chỉ số nỗ lực để đạt được tăng trưởng trong năm và giao dịch quanh mức cuối năm 2021.

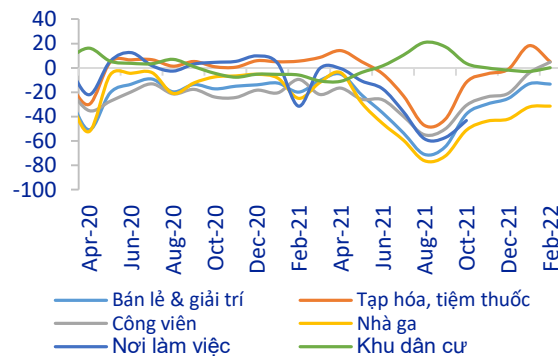
Các kịch bản cho năm 2022

Kịch bản	VN-Index	Tăng trưởng vs. 28/02/22	2022 F.PE (x)
Bi quan	1,457.5	-2.2%	15.1
Trung tính	1,709.6	14.7%	13.8
Lạc quan	1,949.3	30.8%	12.8

Ma trận độ nhạy của chỉ số VNIndex đến cuối năm 2022

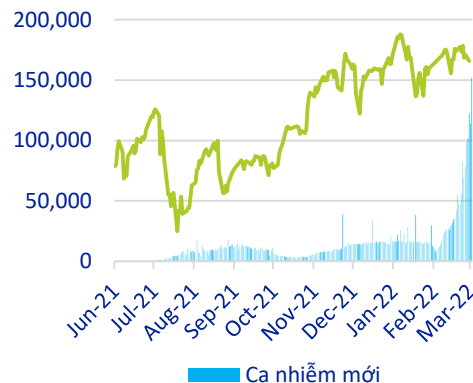
		Tăng trưởng thu nhập							
		5.0%	10.0%	15.0%	21.8%	25.0%	30.0%	35.0%	40.0%
Bội số thu nhập	14.0	1,291	1,353	1,414	1,498	1,537	1,599	1,660	1,722
	14.5	1,337	1,401	1,465	1,551	1,592	1,656	1,719	1,783
	15.0	1,383	1,449	1,515	1,605	1,647	1,713	1,779	1,844
	15.5	1,429	1,498	1,566	1,658	1,702	1,770	1,838	1,906
	16.0	1,480	1,550	1,621	1,717	1,762	1,832	1,903	1,973
	16.5	1,522	1,594	1,667	1,765	1,812	1,884	1,956	2,029
	17.0	1,568	1,642	1,717	1,819	1,866	1,941	2,016	2,090
	17.5	1,614	1,691	1,768	1,872	1,921	1,998	2,075	2,152

Xu hướng dịch chuyển cộng đồng của Việt Nam

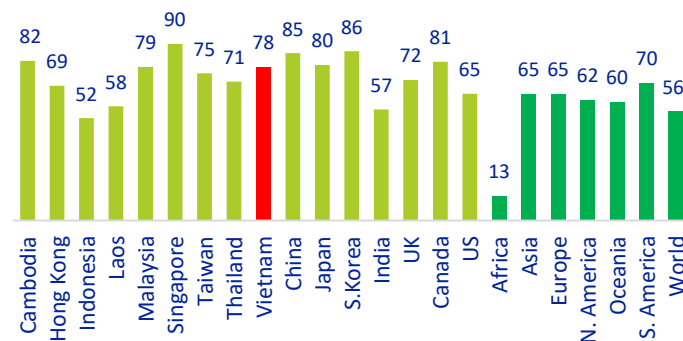


Nguồn: Google, ACBS

Ca nhiễm mới và VNIndex



Tỷ lệ người được tiêm chủng đầy đủ



Nguồn: Ourworldindata, ACBS. Cập nhật đến 03/2022

- ❖ Các ca nhiễm cộng đồng mới tăng mạnh sau kỳ nghỉ Tết, lan rộng trên toàn quốc và vượt qua 100.000 trường hợp mỗi ngày trong khi các trường học mở cửa trở lại sau khi đóng cửa cả năm do đại dịch. Trong khi đó, tỷ lệ người dân được tiêm chủng đầy đủ tăng lên 78% và Việt Nam đang triển khai tiêm chủng cho trẻ 5-11 tuổi.
- ❖ Ngày 16/2/2022, Lãnh đạo Chính phủ Việt Nam đã đồng ý với đề xuất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam về việc mở lại hoàn toàn du lịch quốc tế và dỡ bỏ tất cả các hạn chế đi lại từ ngày 15 tháng 3. Nhiều lĩnh vực sẽ được hưởng lợi từ việc mở lại các chuyến bay quốc tế không chỉ có khách du lịch quay trở lại mà các doanh nghiệp và các khoản đầu tư sẽ có thể được hưởng lợi từ việc di chuyển thuận lợi của khách hàng, nhà cung cấp và nhà tư vấn.

- ❖ Nhiều quốc gia cũng đang nới lỏng hầu hết các hạn chế COVID-19 như Canada, Úc, các nước Châu Âu, một số bang của Mỹ.
- ❖ Chúng tôi đang theo dõi sự gia tăng đột biến của tỷ lệ COVID-19 nói chung và các trường hợp diễn biến nặng trên toàn quốc do sự quá tải của cơ sở hạ tầng chăm sóc sức khỏe có thể gây ra mối đe dọa cho sự phục hồi kinh tế và làm gián đoạn hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn. Tuy nhiên, với tỷ lệ tiêm chủng cao trong nước cùng với việc tiếp cận các phương pháp điều trị ngày càng tăng, chúng tôi kỳ vọng sẽ không có bất kỳ động thái lớn nào cản trở sự phục hồi kinh tế.

❖ Văn bản pháp lý

- ✓ Nghị quyết số 43/2022/QH15 do Quốc Hội ban hành ngày 11/1/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
- ✓ Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ: Về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15.

❖ Thời gian áp dụng:

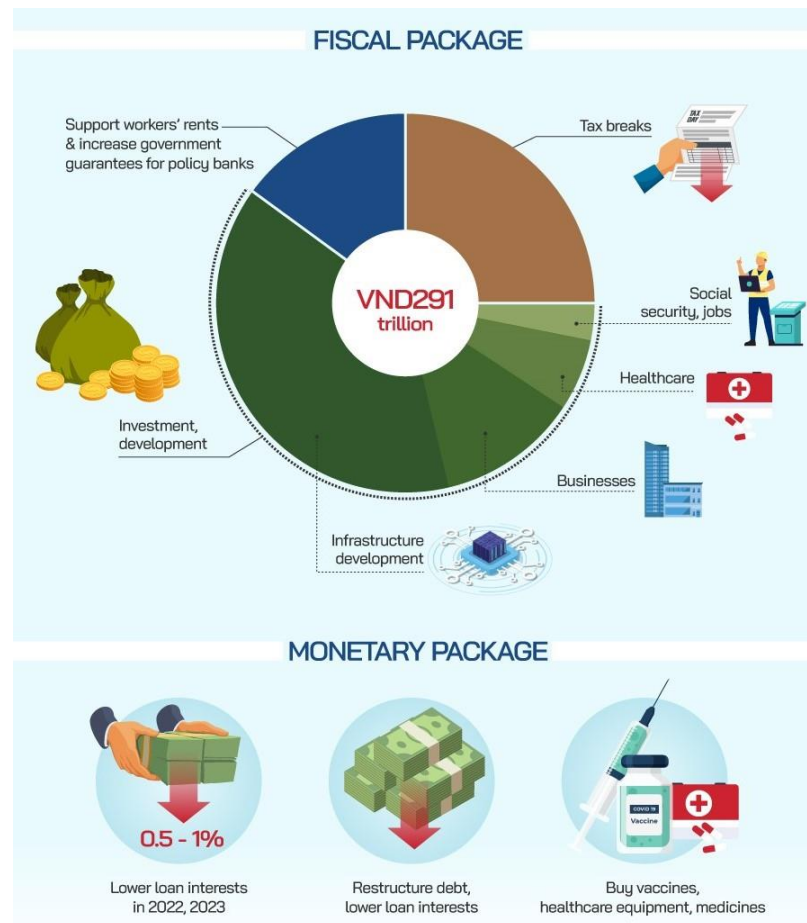
- ✓ Các chính sách hỗ trợ sẽ được thực hiện trong 2 năm (2022-2023), một số chính sách có thể kéo dài, bổ sung nguồn lực tùy diễn biến của dịch bệnh.

❖ Quy mô:

- ✓ Ước tính 350 nghìn tỷ đồng, khoảng 15,42 tỷ USD, tương đương 4,2% GDP.
- ✓ Phân bổ: Chính sách tài khóa 83%, tiền tệ 14%, khác 3%

❖ Nguồn vốn:

- ✓ Vay nội địa bằng việc phát hành trái phiếu chính phủ, vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, vay khác.
- ✓ Gia tăng hiệu quả của kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025.
- ✓ Tiết giảm chi phí, tăng nguồn thu.
- ✓ Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các mặt hàng cần hạn chế.
- ✓ Tăng tốc quá trình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.



Source: Vnexpress.net

Gói tài khoá – Giảm thuế

- **Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022**, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với **khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19** tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022.

Gói tài khoá – Đẩy mạnh đầu tư công

- **Y tế**: 14 nghìn tỷ cho xây dựng, để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- **An sinh xã hội, lao động, việc làm**: 5 nghìn tỷ cho Ngân hàng chính sách xã hội, 2 nghìn tỷ tài trợ các khoản vay có lãi suất trên 6%/năm, 3,15 nghìn tỷ đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm
- **Doanh nghiệp**: 40 nghìn tỷ tài trợ lãi suất 2%/năm thông qua ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi.
- **Du lịch**: Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng
- **Hạ tầng**: Bổ sung tối đa 113,55 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng: giao thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai;
- **Nhà ở**: 6.6 nghìn tỷ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm.
- **Bảo lãnh chính phủ cho trái phiếu trong nước**: 38,4 nghìn tỷ để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên.

Gói tiền tệ

- Giữ ổn định thị trường nợ, giảm lãi suất cho vay từ 0,5% đến 1% trong hai năm 2022 và 2023.
- Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng
- Sử dụng tối đa 46 nghìn tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc - xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết.
- Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động.

Tác động của gói phục hồi kinh tế

- ✓ Việc giảm thuế GTGT đối với nhiều loại hàng hóa và dịch vụ sẽ hỗ trợ sức mua, tăng doanh thu bán lẻ và kiềm chế lạm phát.
- ✓ Việc cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022 là một chính sách thiết thực do đây là một khoản chi phí phát sinh lớn của doanh nghiệp.
- ✓ Với quy mô lớn hơn các gói hỗ trợ trước, chương trình này được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến hàng loạt doanh nghiệp từ vật liệu xây dựng đến xây dựng cơ sở hạ tầng, du lịch ...
- ✓ Cơ chế đặc biệt về đấu thầu và nhà thầu sẽ đẩy nhanh tiến độ của các dự án cơ sở hạ tầng.
- ✓ Chương trình này cũng sẽ tạo ra nhiều việc làm mới, rất quan trọng cho cả nền kinh tế và an sinh xã hội ở thời điểm hiện tại, đảm bảo nguồn lao động cho doanh nghiệp và thúc đẩy doanh số bán lẻ.
- ✓ Việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước được kỳ vọng sẽ được đẩy mạnh để huy động nguồn vốn, mang đến cơ hội đầu tư mới cho các nhà đầu tư.

THƯƠNG MẠI

- ❖ Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam-Ukraine khá nhỏ, khoảng 0,1% cho năm 2021, trong đó mặt hàng lớn nhất là lúa mì (81 triệu USD, chiếm 6% tổng lượng lúa mì nhập khẩu, trong khi Australia chiếm 68%). Do đó, ảnh hưởng của thị trường này là không đáng kể.
- ❖ Về Liên bang Nga, các mặt hàng xuất khẩu chính sang Nga năm 2021 là cà phê (173 triệu USD, chiếm 6% tổng giá trị, đứng thứ 5), chè (19 triệu USD, 9%, đứng thứ 3 sau Pakistan với 40%), xuất khẩu sang Nga chỉ chiếm 1% tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam.
- ❖ Các mặt hàng nhập khẩu chính từ Nga là:
 - ✓ Than đá (527 triệu USD, chiếm 12% tổng lượng than, xếp thứ 3 sau Australia và Indonesia),
 - ✓ Phân bón (144 triệu USD, 10%, đứng thứ 2 sau Trung Quốc là 42%),
 - ✓ Lúa mì (14 triệu USD, 1%).
- ❖ Chiến tranh và các lệnh trừng phạt đối với Nga, bao gồm cả việc loại một số ngân hàng Nga khỏi hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT cũng như các hệ thống tài chính quốc tế khác có thể làm giảm nguồn cung các mặt hàng này do khó khăn về vận chuyển và thậm chí trong trường hợp Nga tạm thời xuất khẩu phân bón. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tác động này chỉ là tạm thời và ít ảnh hưởng đến Việt Nam hơn là sự tăng giá của các mặt hàng này trên thị trường toàn cầu. Ngoài ra, đồng Rúp giảm giá có thể là lợi thế cho các nhà nhập khẩu Việt Nam. Các doanh nghiệp Nga có thể tham gia Unionpay, hệ thống giao dịch tiền tệ của Trung Quốc hoặc sử dụng các phương pháp truyền thống để giao dịch ra nước ngoài, đặc biệt với các nước châu Á, do đó, hoạt động thương mại dự kiến sẽ được nối lại để đáp ứng nhu cầu.
- ❖ Một cách gián tiếp, chiến tranh và các lệnh trừng phạt có thể làm gián đoạn nguồn cung toàn cầu và tăng chi phí vận chuyển, gây khó khăn hơn cho các giao dịch quốc tế bao gồm các nhà xuất nhập khẩu Việt Nam. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng này có thể làm trầm trọng thêm mối lo lạm phát, kết hợp với vấn đề người tị nạn có thể ảnh hưởng đến người tiêu dùng ở EU và Hoa Kỳ, hai nhà nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Thương mại giữa Việt Nam và một số quốc gia/ nhóm quốc gia trong năm 2021

Quốc gia/ Nhóm nước	Giá trị (USDm)		Tỷ trọng (%)	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
EU	40,122	16,892	11.9%	5.1%
ASEAN	28,861	41,134	8.6%	12.4%
Anh quốc	5,766	849	1.7%	0.3%
Ấn Độ	6,259	6,951	1.9%	2.1%
Đài Loan	4,588	20,773	1.4%	6.3%
Hàn Quốc	21,945	56,155	6.5%	16.9%
Hoa Kỳ	96,293	15,270	28.6%	4.6%
Liên bang Nga	3,203	2,299	1.0%	0.7%
Nhật Bản	20,129	22,649	6.0%	6.8%
Úc	4,455	7,946	1.3%	2.4%
Trung Quốc	56,010	109,875	16.7%	33.1%
Ukraina	345	376	0.1%	0.1%

Source: GSO, ACBS

SẢN XUẤT:

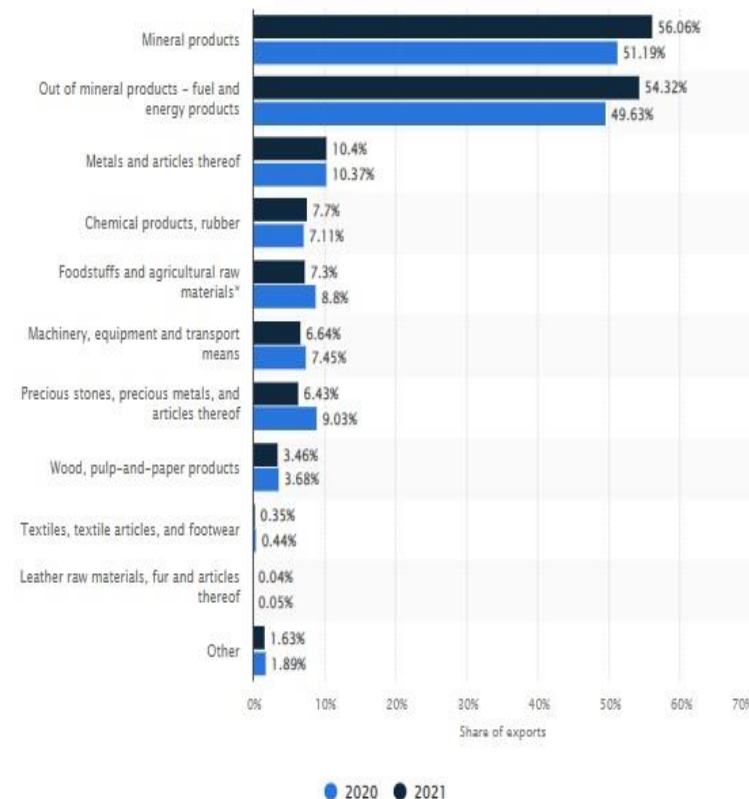
Có rất nhiều lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến này. Tại Việt Nam, có một số ngành cụ thể sẽ bị ảnh hưởng bao gồm:

- ✓ Sản xuất điện tử và điện thoại: tình trạng thiếu nguyên liệu làm chip bán dẫn (Heli, do Nga cung cấp phần lớn) ảnh hưởng đến ngành sản xuất điện tử, điện thoại và máy tính toàn cầu là các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam. Những mặt hàng nhập khẩu này có thể bị tăng giá và kéo dài thời gian giao hàng, tác động tiêu cực đến các nhà xuất khẩu.
- ✓ Điện và thép: Nguồn cung cấp than bị gián đoạn có thể khiến ngành sản xuất điện và thép của Việt Nam gặp khó khăn do phụ thuộc vào than trong sản xuất.
- ✓ Thăm dò dầu khí: Việt Nam và Nga có mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ trong lĩnh vực dầu mỏ. Các biện pháp trừng phạt đối với hệ thống SWIFT có thể ảnh hưởng đến giao dịch của hai quốc gia nhưng chúng tôi cho rằng vấn đề này chỉ trong ngắn hạn.
- ✓ Nông nghiệp: sự gián đoạn phân bón từ Nga có thể làm tăng giá mặt hàng này và là rủi ro cho nông nghiệp toàn cầu.

LẠM PHÁT: Cuộc chiến này có thể góp phần gây ra những lo ngại về lạm phát về

- ✓ Lương thực, thực phẩm: do thiếu phân bón, nhưng ảnh hưởng này đối với Việt Nam là không đáng kể do nguồn cung phân bón chủ yếu của Việt Nam đến từ Trung Quốc lớn hơn và vẫn ổn định. Nguồn cung thực phẩm tại Việt Nam cũng dồi dào và giá cả ổn định.
- ✓ Năng lượng: sự gián đoạn của nguồn cung than và dầu có thể dẫn đến tăng chi phí vận chuyển và sản xuất trên thế giới.
- ✓ Nguyên vật liệu: Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nhiều nguyên liệu nhập khẩu như hóa chất, linh kiện điện tử... Sự gián đoạn của các mặt hàng này có thể dẫn đến việc tăng giá nguyên vật liệu trên thị trường toàn cầu, ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của Việt Nam.

Giá trị xuất khẩu của Nga theo từng loại hàng hóa



Nguồn: Statista

- ❖ Thoái vốn nhà nước được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh nhờ diễn biến tích cực của thị trường Việt Nam. Thêm vào đó, quá trình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh cho mục tiêu huy động vốn cho chương trình hỗ trợ hồi phục kinh tế, đem đến nhiều cơ hội hơn cho nhà đầu tư. Quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài (FOL) vẫn tiếp tục là rào cản cho việc thoái vốn nhà nước tại các công ty Việt Nam. Năm 2022, một số doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn như EVN, Vinacomin và Vinataba dự kiến sẽ thực hiện quá trình cổ phần hóa để thoái vốn. Trong số 88 doanh nghiệp nằm trong kế hoạch thoái vốn nhà nước năm 2021, BVH của Bảo hiểm Bảo Việt, BMI của Bảo hiểm Bảo minh và NTP của Nhựa Thiếu niên Tiền Phong được nhiều nhà đầu tư quan tâm nhưng kế hoạch thoái vốn bị lùi sang năm 2022. Theo báo cáo tổng kết cuối năm của SCIC, doanh thu tính đến 31/12/2021 đạt 7.213 tỷ đồng, bằng 111% kế hoạch, bao gồm 4.409 tỷ đồng doanh thu cổ tức và 1.390 tỷ đồng doanh thu thoái vốn. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, danh mục đầu tư của SCIC có 145 doanh nghiệp, đã hoàn thành thoái vốn nhà nước tại 10 doanh nghiệp.
- ❖ Về phân loại thị trường, thị trường chứng khoán Việt Nam đã nằm trong Danh sách theo dõi của Chỉ số FTSE Global Equity cho thị trường mới nổi thứ cấp từ tháng 9 năm 2018 nhưng vẫn tiếp tục được xếp vào nhóm thị trường cận biên và chưa được nâng hạng lên thị trường mới nổi trong lần đánh giá gần nhất. Theo dự kiến, sẽ có đánh giá tạm thời vào tháng 3 năm 2022 để xem xét việc tái phân hạng thị trường.

Các sự kiện sắp diễn ra

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Loại sự kiện	Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Mã CK
Index review	04-Mar-2022	Vietnam	FTSE Vietnam ETF	
Index review	11-Mar-2022	Vietnam	VanEck Vectors Vietnam ETF	
Kinh tế	16-Mar-2022	United States	Quyết định lãi suất của Fed	
Tái cơ cấu ETF	18-Mar-2022	Vietnam	FTSE ETF & VNM ETF Restructuring	
Kinh tế	29-Mar-2022	Vietnam	Công bố các chỉ số vĩ mô	
Xếp hạng thị trường	01-Apr-2022	Vietnam	FTSE Global Equity Index - Interim Review	

Lịch sự kiện	Ngày GDKHQ	Quốc gia	Sự kiện	Mã CK
Phát hành cổ phiếu	01-Mar-2022	Vietnam - HOSE	Phát hành cổ phiếu tỷ lệ 100%	SVD
Cổ tức	02-Mar-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND1,500	SAB
Phát hành cổ phiếu	03-Mar-2022	Vietnam - HOSE	Phát hành cổ phiếu tỷ lệ 6.5%	EVF
Cổ tức	04-Mar-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND250	KHP
Cổ tức	07-Mar-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND600	PNJ
Cổ tức	17-Mar-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND1,500	PDN

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	NGÂN HÀNG	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	VCB, CTG, TCB, MBB, STB
--------	-----------	-------------	-----------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	-------------------------

Tổng quan ngành

- Kết quả kinh doanh của các ngân hàng niêm yết hồi phục tốt trong Q4/21. Tổng thu nhập tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ và tăng 15,1% so với quý trước. Động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận đến từ tín dụng hồi phục mạnh, tăng 5,65% trong riêng Q4/21 và tăng 13,53% trong cả năm 2021 (NHNN).
- Chi phí dự phòng trong Q4/21 tiếp tục duy trì ở mức cao tương tự như trong Q2 và Q3/21 để dự phòng cho các khoản nợ tái cơ cấu do COVID-19.
- Lợi nhuận trước thuế Q4/21 tăng trưởng 7,2% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 16,1% so với Q3/21.
- Chất lượng tài sản cải thiện so với Q3/21. Tỷ lệ nợ xấu đến cuối Q4/21 đạt 1,34%, giảm 0,27 điểm phần trăm so với Q3/21 và tương đương với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ nợ nhóm 2 đạt 1,2%, giảm 22 điểm phần trăm so với Q3/21.
- Chúng tôi ước tính dư nợ tái cơ cấu do COVID-19 chỉ chiếm hơn 1% tổng dư nợ và nhiều khả năng sẽ giảm trong năm 2022 nhờ nền kinh tế phục hồi.

Triển vọng

- Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong năm 2022 đạt 15% nhờ môi trường lãi suất thấp kích thích tăng trưởng nhu cầu tín dụng. Chủ trương nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước cũng sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng. Đến cuối T1/2022, tăng trưởng tín dụng đạt 2,74% (SBV) so với đầu năm và tăng 16,32% so với cùng kỳ năm trước.
- Chúng tôi dự báo lãi suất huy động có thể tăng nhẹ khoảng 0,5% do thanh khoản hệ thống không còn dồi dào như trước do tăng trưởng tín dụng mạnh kể từ đầu Q4/2021. Tăng trưởng tín dụng ở mức cao và giảm quy mô các gói hỗ trợ lãi suất cho vay nhờ nền kinh tế phục hồi sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng thu nhập lãi và duy trì NIM.
- Việc trích lập dự phòng quyết liệt trong năm 2021 đối với các khoản nợ tái cơ cấu sẽ giúp giảm áp lực trích lập dự phòng đối với các ngân hàng trong năm 2022.

Triển vọng ngành									
Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	BẢO HIỂM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	BVH, PVI
Tổng quan ngành						Triển vọng			
- Tình trạng giãn cách xã hội do dịch COVID-19 ảnh hưởng đến quá trình tư vấn và bán hàng đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Tuy nhiên, việc số hóa hoạt động bán sản phẩm bảo hiểm giúp các công ty bảo hiểm và các ngân hàng liên kết vượt qua giai đoạn khó khăn này. - Trong khi đó, mảng bảo hiểm phi nhân thọ ít chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 hơn do các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phần lớn là bắt buộc.						- Thị trường bảo hiểm nhân thọ của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ dân số có bảo hiểm nhân thọ mới chỉ đạt 11%. - Chúng tôi kỳ vọng doanh số ngành bảo hiểm nhân thọ sẽ tăng trưởng với tốc độ bình quân 20%/năm trong 5 năm tới. - Đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, chúng tôi kỳ vọng doanh số ngành bảo hiểm phi nhân thọ sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng 10%/năm trong 5 năm tới.			

Triển vọng ngành								
Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	CHỨNG KHOÁN	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu: SSI, HCM, VCI, VND
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Lĩnh vực môi giới chứng khoán là một trong những lĩnh vực ít bị ảnh hưởng nhất bởi Covid-19. Môi trường lãi suất thấp thu hút các nhà đầu tư trong nước tham gia vào thị trường chứng khoán. Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 405.000 tài khoản, cao gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước. - Hoạt động tự doanh cũng đạt kết quả khá tốt trong giai đoạn đại dịch Covid-19. VN-Index tăng 35,7% kể trong năm 2021, mang lại khoản lợi nhuận lớn từ hoạt động tự doanh cho các công ty chứng khoán trong năm 2021.						- Hoạt động môi giới chứng khoán của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng khi tỷ lệ cá nhân có tài khoản chứng khoán tại Việt Nam mới chỉ đạt khoảng 4%. Chính phủ đặt mục tiêu nâng tỷ lệ người dân tham gia thị trường chứng khoán lên 5% vào năm 2025 và 10% vào năm 2030. - Tuy nhiên mảng môi giới chứng khoán có mức độ cạnh tranh cao. Trên thị trường có rất nhiều công ty chứng khoán trong khi sản phẩm ít có sự khác biệt. - Thị trường vốn của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển và còn nhiều tiềm năng tăng trưởng, đặc biệt là lĩnh vực tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, qua đó mở ra nhiều cơ hội cho mảng kinh doanh giàu tiềm năng này cho các công ty chứng khoán.		

Triển vọng ngành									
Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	VHM, KDH, NLG
Tổng quan ngành						Triển vọng			
- Nguồn cung căn hộ mới năm 2021 tiếp tục giảm do quá trình phê duyệt kéo dài và đại dịch với sự dẫn dắt của phân khúc trung cấp tại Hà Nội và phân khúc cao cấp tại TP.HCM. - Nguồn cung hạn chế và nhu cầu mua nhà ổn định dẫn đến lượng căn bán được cao hơn một chút so với nguồn cung mới. - Giá tiếp tục tăng nhờ nguồn cung hạn chế và nhiều căn hộ cao cấp và hạng sang được mở bán hơn. - Năm 2021, TP.HCM mở bán 14.339 căn mới (-22% n/n) và bán được 14.639 căn (-7% n/n) với giá sơ cấp trung bình là 2.306 USD/m2 (+7% n/n). - Năm 2021, Hà Nội mở bán 16.758 căn mới (-7% n/n) và bán được 16.958 căn (-9% n/n) với giá sơ cấp trung bình là 1.596 USD/m2 (+13% n/n).						- Quá trình phê duyệt dự án cải thiện khá chậm. - Nguồn cung mới và số lượng bán hàng dự kiến sẽ phục hồi. - Các sự kiện bán hàng có thể bị dời do số ca COVID tăng mạnh. - Lo ngại về lạm phát có thể thúc đẩy hoạt động đầu cơ tài sản và làm tăng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng. - Giá sơ cấp trung bình sẽ tiếp tục xu hướng tăng. - Các yếu tố hỗ trợ: xây dựng/phê duyệt các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm, lãi suất ổn định, tầng lớp thu nhập trung bình tăng, tốc độ đô thị hóa cao, v.v.			



Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	KBC, BCM
--------	--------------	-------------	---------------------------------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

- Đến cuối năm 2021, Việt Nam có 398 Khu công nghiệp (KCN) được thành lập tính đến cuối 2021 với tổng diện tích đất là 123.500ha (+8,3% n/n), trong đó có 292 KCN đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy bình quân 71%, tăng 80 điểm % n/n.
- Giá thuê đất công nghiệp tăng hơn 5% n/n và đạt mức trung bình là 131 USD/m2 ở miền Nam và 97 USD/m2 ở miền Bắc.
- Giá thuê chuỗi cung ứng tạo ra nhu cầu cao đối với kho bãi và nhà xưởng xây sẵn. Tổng nguồn cung phía Bắc đạt 1,3 triệu m2 kho bãi (+7% n/n) và 2,5 triệu m2 nhà xưởng xây sẵn (+9% n/n) trong khi phía Nam cung cấp 3,5 triệu m2 nhà kho (+10% n/n) và 3,2 triệu m2 nhà xưởng xây sẵn (+8% n/n). Giá chào thuê tăng hơn 5% n/n và đạt trung bình 4,7 USD/m2/tháng ở miền Bắc và 5 USD/m2/tháng ở miền Nam.

Triển vọng

- Nhu cầu ổn định, đặc biệt là từ việc mở rộng/di dời nhà máy của các tập đoàn đa quốc gia.
- Dự kiến nguồn cung ở phía Bắc nhiều hơn phía Nam nhờ cơ sở hạ tầng phát triển.
- Giá thuê sẽ tiếp tục xu hướng tăng.
- Lo ngại về lạm phát có thể thúc đẩy hoạt động đầu cơ tài sản và làm tăng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Triển vọng ngành								
Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN BÁN LẺ	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu: VRE
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Không có nguồn cung mới tại Hà Nội và TP HCM trong năm 2021 vì các kế hoạch mở mới bị trì hoãn bởi đại dịch. - Giá thuê và tỷ lệ trống không cải thiện so với 2020. - Người thuê tái cấu trúc để thích ứng với giai đoạn 'Bình thường mới' ví dụ như giảm diện tích thuê, thay đổi mô hình từ cửa hàng truyền thống sang ki-ốt tích hợp nhiều điểm bán hàng. - TP.HCM: Trong quý 4/2021, giá thuê tại khu trung tâm tăng 6,8% n/n lên 144 USD/m2/tháng trong khi khu vực ngoài trung tâm giảm 4,0% n/n xuống 33 USD/m2/tháng; tỷ lệ trống ở mức 1,9% ở khu vực trung tâm và 11,4% (-1,5 điểm %) ở khu vực ngoài trung tâm. - Hà Nội: Trong quý 4/2021, giá thuê tại khu vực trung tâm giảm 1,9% n/n xuống 106 USD/m2/tháng và 3,3% n/n xuống 24 USD/m2/tháng ở khu vực ngoài trung tâm; tỷ lệ trống ở mức 12,9% (-1,4 điểm % theo năm) ở khu trung tâm và 16,8% (+4,3 điểm %) ở khu vực ngoài trung tâm.						- Nguồn cung mới dự kiến sẽ cải thiện. - Tỷ lệ lấp đầy và giá thuê dự kiến sẽ phục hồi chậm về mức trước COVID. - Chủ đầu tư tiếp tục hỗ trợ khách thuê. - Sự thích ứng nhanh chóng của người tiêu dùng với mua sắm trực tuyến trong thời kỳ đại dịch có thể hạn chế sự phát triển của phân khúc này.		
Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NGHỈ DƯỠNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu: CEO, NVL
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Bắt đầu đón khách du lịch quốc tế theo chương trình hộ chiếu vắc xin từ tháng 12/2021. - Biệt thự và nhà phố/shophouse nghỉ dưỡng phục hồi tốt trong Q4/2021 so với Q3/2021 trong khi condotel vẫn chưa cải thiện. - Có 4.115 biệt thự, 4.898 nhà phố/shophouse và 3.792 condotel được mở bán vào năm 2021 với tỷ lệ hấp thụ lần lượt là 71%, 88% và 58%.						- Nguồn cung 2022 dự kiến cải thiện hơn 2021. - Lực cầu vẫn yếu và chưa thấy dấu hiệu cải thiện rõ rệt. - Nhà phố/shophouse nghỉ dưỡng dự kiến tiếp tục là sản phẩm được quan tâm nhiều nhất.		

Triển vọng ngành								
Ngành:	BÁN LẺ	Phân ngành:		Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: MWG, FRT, PNJ
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Là thành phần quan trọng góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế. - Thị trường năng động với sự tham gia của đông đảo tên tuổi trong và ngoài nước. - Mặc dù kênh thương mại truyền thống vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo nhưng xu hướng bán lẻ hiện đại và bán hàng trực tuyến ngày càng chứng tỏ sức mạnh của mình. Trong xu thế đó, hàng loạt chuỗi bán lẻ - với nhiều mặt hàng khác nhau từ FMCG, thiết bị công nghệ, thiết bị gia dụng, thời trang đến phụ kiện cá nhân, thực phẩm ăn uống v.v. - đã nở rộ tại Việt Nam. - COVID-19 bùng phát trên diện rộng và kéo dài ở Việt Nam trong năm 2021 đã gây ra những tác động khác nhau đến việc tiêu thụ của nhiều sản phẩm khác nhau. Một số được lợi trong khi một số bị thiệt hại. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu dùng cũng như doanh thu của các nhà bán lẻ đã có sự phục hồi sau giai đoạn giãn cách (vd: chuỗi thegoididong.com và dienmayxanh.com của MWG, PNJ, v.v.). Doanh thu bán lẻ hàng hóa (chiếm ~ 82% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng) cả năm 2021 tăng 0,2% so với 2020 sau khi giảm 3,4% n/n trong 9T2021. Tăng trưởng trong 2T2022 đạt 1,7% n/n. - Dịch bệnh cũng khiến hoạt động mua sắm trực tuyến trở nên phổ biến hơn, tiếp cận nhiều người tiêu dùng hơn với tần suất cao hơn và ghi nhận sự gia nhập của nhiều nhóm sản phẩm mới (đặc biệt là thực phẩm tươi sống, vốn thường được người tiêu dùng chọn mua trực tiếp tại cửa hàng/chợ). Bán hàng trực tiếp tại cửa hàng sẽ vẫn là một kênh quan trọng nhưng bán hàng trực tuyến cũng ngày càng khẳng định vai trò của mình, đưa hoạt động bán hàng đa kênh ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh của các công ty).						- Đối với năm 2022, chúng tôi kỳ vọng sự phục hồi của ngành bán lẻ sẽ tiếp tục, dựa trên giả định rằng xác suất lặp lại giai đoạn giãn cách kéo dài như 2021 có thể được giảm thiểu nhờ mở rộng tiêm chủng, kỳ vọng chính phủ tăng đầu tư cho hệ thống y tế và người dân thay đổi thói quen/nhận thức để giảm khả năng lây nhiễm. Chợ truyền thống mở cửa trở lại có thể sẽ làm giảm bớt lưu lượng khách hàng đến với kênh thương mại hiện đại. Việc mở lại các cửa hàng cà phê, nhà hàng, quán ăn v.v. có thể khôi phục doanh thu cho các chủ cửa hàng cũng như các nhà sản xuất thực phẩm & đồ uống và nhà cung cấp dịch vụ vui chơi bên ngoài sau khi ghi nhận doanh thu sụt giảm từ kênh bán hàng này. Tuy nhiên, việc tiêu thụ các sản phẩm không thường xuyên có thể bị hạn chế/trì hoãn do tác động của đại dịch đối với khả năng tài chính của người tiêu dùng, mặc dù mức độ nghiêm trọng có thể khác nhau ở các phân khúc người tiêu dùng khác nhau. - Triển vọng dài hạn được hỗ trợ bởi các yếu tố như nền kinh tế đang phát triển, dân số lớn, trẻ và ưa thích kết nối, quá trình đô thị hóa, thu nhập gia tăng và mức sống cao hơn, tầng lớp trung lưu mở rộng.		

Triển vọng ngành

Ngành:	DỆT MAY	Phân ngành:		Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	MSH, STK, TCM, TNG
--------	---------	-------------	--	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

- Một trong những trụ cột xuất khẩu quan trọng, đóng góp ~ 12% vào tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam.
- Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (vd: Trung Quốc) là vấn đề trăn trở đối với các thành viên trong ngành trong nhiều năm qua bất kể nhiều nỗ lực nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa.
- Mỹ, các nước CPTPP và EU là những khách hàng lớn nhất. Việt Nam là một trong số các quốc gia có thị phần xuất khẩu hàng dệt may vào Mỹ gia tăng trong những năm gần đây trong khi thị phần của Trung Quốc có xu hướng giảm.
- Gia công theo hình thức CMT vẫn là loại đơn hàng phổ biến nhất mà các nhà sản xuất Việt Nam nhận được, tuy nhiên, ngày càng nhiều nhà sản xuất cố gắng tiếp cận các loại đơn hàng cao hơn (vd: FOB) trong chuỗi giá trị của ngành để nâng cao biên lợi nhuận.
- Các công ty dệt may chịu tác động từ dịch COVID-19 ở cả phía cung và cầu khi đại dịch xảy ra ở Trung Quốc và sau đó là Mỹ, EU. Giá trị xuất khẩu hàng dệt may giảm 2,2% so với cùng kỳ trong Q3/2021. Tuy nhiên, nhờ kết quả hoạt động tốt trong 6T2021 và sự phục hồi đáng khích lệ trong Q4, ngành đã vượt qua mục tiêu giá trị xuất khẩu hàng dệt may 39 tỷ USD cho năm 2021.
- 2022 khởi động tích cực với giá trị xuất khẩu hàng dệt may tăng gần 32% YoY trong tháng 1.

Triển vọng

- Mặc dù dịch bệnh diễn biến khó lường trên quy mô toàn cầu, nhiều quốc gia vẫn đang hướng đến những nỗ lực phục hồi kinh tế. Do đó, khả năng đơn hàng dệt may giảm sâu lần nữa có thể khá thấp. Trong năm 2022, ngành dệt may Việt Nam đặt mục tiêu giá trị xuất khẩu là 38-39 tỷ USD cho kịch bản xấu nhất, 40-41 tỷ USD cho kịch bản trung bình và 42,5-43,5 tỷ USD cho kịch bản tốt nhất.
- Trong viễn cảnh dài hơn, chúng tôi kỳ vọng ngành dệt may Việt Nam sẽ tiếp tục vai trò không chỉ là trụ cột quan trọng trong xuất khẩu của cả nước mà còn là nhà xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới. Việt Nam được xem là một trong những địa điểm sản xuất hấp dẫn với chi phí lao động thấp và lực lượng lao động lớn.
- Các hiệp định thương mại (FTA) cũng là những động lực đáng kể, có thể giúp các sản phẩm dệt may Việt Nam thu hẹp khoảng cách thuế so với một số đối thủ. Tuy nhiên, có thể ngành sẽ phải trải qua một quá trình khá dài để cải thiện các điểm yếu và đáp ứng các yêu cầu của FTA trước khi được hưởng lợi đáng kể.
- Lợi thế về chi phí lao động có thể không bền vững khi nhiều đối thủ khác đang nổi lên, do đó, ngành cần có những bước tiến mạnh mẽ hơn về cải thiện tỷ lệ giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc vào nguồn cung Trung Quốc/nguyên liệu nhập khẩu (mà vẫn phải đảm bảo an toàn môi trường), tăng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, v.v

Triển vọng ngành								
Ngành:	NGUYÊN VẬT LIỆU	Phân ngành:	VẬT LIỆU XÂY DỰNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: HPG, HSG, HT1, KSB
Tổng quan ngành						Triển vọng		
Vật liệu xây dựng						- Hoạt động phát triển bất động sản và đầu tư công trở lại vẫn là động lực chính thúc đẩy nhu cầu vật liệu xây dựng trong năm 2022. - Mùa khô sau Tết là thời điểm thuận lợi cho các hoạt động xây dựng. Chúng tôi kỳ vọng thị trường vật liệu xây dựng có thể tăng trưởng tốt về nhu cầu (+ 5-10% yoy) trong mùa khô. - Chúng tôi duy trì kỳ vọng tăng giá quặng sắt với sự hướng dẫn chặt chẽ về sản xuất từ các công ty khai thác lớn. Chi phí nhiên liệu tăng cũng có thể góp phần làm tăng chi phí đầu vào của các nhà sản xuất thép, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp của các nhà sản xuất thép giảm.		
- Do giá dầu tăng mạnh (+ 27% trong tháng 2), chúng tôi cho rằng chi phí nhiên liệu sẽ sớm tăng dẫn đến chi phí vận chuyển thép nguyên liệu cũng tăng theo. Do hầu hết nguyên liệu đầu vào của ngành thép Việt Nam (quặng sắt, than luyện cốc và phôi thép) đều phải nhập khẩu nên chi phí vận chuyển tăng có thể làm tăng chi phí đầu vào cho các nhà sản xuất thép. - Giá vật liệu xây dựng của Việt Nam ổn định trong tháng 2. Theo quan điểm của chúng tôi, sự ổn định của giá vật liệu xây dựng có thể tiếp tục trong suốt tháng 3 trong bối cảnh hoạt động xây dựng phục hồi dần sau Tết. - Giá thép toàn cầu dao động quanh mức 760 USD / tấn trong tháng 2. Giá thép toàn cầu có thể tăng nhẹ (5-7%) trong tháng 3 khi EU áp dụng một số biện pháp trừng phạt mới đối với các công ty kim loại của Nga, gây áp lực lên nguồn cung thép toàn cầu. Nhu cầu thép của Trung Quốc cũng dự kiến sẽ tăng trong khi chính phủ Trung Quốc tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng. - Vật liệu xây dựng khác (xi măng, đá, gạch, cát,...) ổn định trong khi hoạt động sản xuất trong nước không bị ảnh hưởng bởi điều kiện toàn cầu.								

Triển vọng ngành

Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG BIỂN	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GMD, TCL, VSC
--------	-----------	-------------	------------------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Giá dầu tăng có thể kéo theo chi phí nhiên liệu tăng trong tháng 3, khiến chi phí của các công ty vận tải cũng tăng theo. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, các công ty vận tải có thể thông qua việc tăng chi phí nhiên liệu cho khách hàng do nhu cầu về logistic hiện đang cao.
- Các công ty vận tải hàng hóa vẫn đang phải vật lộn với tình trạng khan hiếm container. Tình trạng khan hiếm container không chỉ làm tăng chi phí vận chuyển mà còn tạo ra một số chi phí bồi thường cho nhà xuất khẩu liên quan đến việc chậm hàng.
- Chi phí vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, một kênh xuất khẩu nông sản lớn cũng có thể tăng khi giá dầu tăng. Tình trạng chậm phê duyệt tại các bến Việt - Trung đã được giải quyết một phần, nhưng do lưu lượng thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc qua đường bộ tăng cao nên vẫn còn hàng nghìn lượt xe tải đang chờ tại bến.

Triển vọng

- Tình trạng thiếu container rỗng vẫn tiếp diễn và khiến giá cước vận tải biển ở mức cao (gấp 2-3 lần so với năm 2020). Giá thuê container đã tăng gấp 10 lần so với đầu năm 2020.
- Chi phí nhiên liệu tăng có thể dẫn đến tăng giá dịch vụ logistic. Theo quan điểm của chúng tôi, các công ty logistic có thể chuyển một phần chi phí nhiên liệu sang cho khách hàng do nhu cầu về dịch vụ vận tải hiện nay khá cao. Do đó, chúng ta có thể thấy tỷ suất lợi nhuận gộp của các công ty vận tải trong tháng 3 giảm nhẹ so với tháng 1 và tháng 2.
- Mặc dù đang đối mặt với vấn đề khan hiếm container nhưng chúng tôi cho rằng vận tải biển của Việt Nam vẫn có thể duy trì mức tăng trưởng ở mức 2% như năm 2021, về sản lượng khi nhiều tuyến tàu biển, nguồn cung lượng lớn container khô cho Việt Nam đã được mở cửa trở lại một thời gian dài bị tạm dừng.

Triển vọng ngành								
Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	HÀNG KHÔNG	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TIÊU CỰC	CP tiêu biểu: HVN, VJC
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Theo Cục Hàng không Việt Nam (CAA), Việt Nam đã khai thác 25.220 chuyến bay trong giai đoạn từ 19/1/2022-18/2/2022, tăng 20,4% n/n và tăng hơn gấp đôi so với tháng 1/2022. Vietnam Airlines ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 47% n/n (9.889 chuyến bay), theo sau là VASCO (+23,7% n/n, 641 chuyến bay) và Bamboo Airways (+19,6% n/n, 4.792 chuyến bay). So với tháng 1/2022, Vietjet ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất 146,8% (8.297 chuyến bay), theo sau là Jetstar Pacific (+146,7%) và Vietnam Airlines (+100,5%). - Trong tháng 2/2022, các sân bay Việt Nam đã đón nhận 6,1 triệu lượt khách, tăng 57,8% n/n. Trong đó, 105.000 lượt khách là khách quốc tế, tăng 3,5 lần so với tháng trước. Đây là một tín hiệu tích cực báo hiệu sự phục hồi của ngành hàng không và ngành du lịch Việt Nam. 6 triệu hành khách nội địa còn lại tương đương với mức tăng trưởng 56,1% so với tháng trước. - Sun Air thuộc tập đoàn Sun Group được cấp giấy phép trong tháng 2/2022, đặt tại cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Sun Air nhắm đến tập khách hàng cao cấp với các dịch vụ chuyên cơ riêng, trực thăng và thủy phi cơ. Tập đoàn có kế hoạch hoạt động với 2 tàu bay Gulfstream G650ER trong quý 3/2022 và sẽ bổ sung thêm 4 tàu bay G650ER, 1 G700, 1 trực thăng và 2 thủy phi cơ trong giai đoạn 2023-2025.						Căng thẳng giữa Nga và Ukraina đã đẩy giá dầu Brent lên trên USD120/thùng. Điều này gây cản trở cho sự phục hồi của ngành hàng không Việt Nam cũng như ngành hàng không quốc tế. Nhiên liệu bay chiếm ~30-40% tổng chi phí của một hãng hàng không. Với phí nhiên liệu tăng cao sẽ gây thêm nhiều áp lực cho tình hình tài chính của các hãng hàng không.		

Triển vọng ngành								
Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	VẬN TẢI HÀNG KHÔNG	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: SCS, NCT
Tổng quan ngành						Triển vọng		
Tác động của COVID-19						Hậu COVID-19		
- Các nhà máy sản xuất cần tăng lượng hàng tồn kho sau thời gian giãn cách kéo dài, từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam - Phí vận tải đường biển đã tăng 10 lần do thiếu hụt container, tạo lợi thế lớn cho vận tải hàng không. Tuy có giai đoạn giảm trong 5 tuần liên tiếp trong tháng 10-11/2021, cước phí vận tải đường biển đã quay đầu tăng trở lại trong thời điểm cuối năm khi lượng hàng hóa phục vụ cho mùa lễ hội tăng cao.						- Dịp lễ hội cuối năm sẽ thúc đẩy chi tiêu và từ đó thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu - Chúng tôi kỳ vọng cước vận tải đường biển sẽ duy trì ở mức cao đến giữa năm 2022, thúc đẩy lưu lượng hàng hóa vận tải bằng đường hàng không tăng cao.		

Triển vọng ngành								
Ngành:	THỦY SẢN	Phân ngành:		Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: VHC, FMC, MPC
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong tháng 2/2022 đạt 600 triệu USD, +53,2% n.n - Trong tháng 1/2022, KNXK cá tra Việt Nam đạt 213,6 triệu USD, đạt mức tăng trưởng ấn tượng 73% n/n. Thị trường Trung Quốc phục hồi với mức tăng trưởng 96,4% n/n (33,7 triệu USD) sau năm 2021 ghi nhận KNXK sụt giá - KNXK tôm Việt Nam đạt 225 triệu USD trong tháng 1/2022, +2,26% n/n về giá trị và +2,65% n/n về lượng.						- Giá cá tra nguyên liệu tăng hơn 40% trong thời gian qua, đảm bảo đủ lợi nhuận cho các hộ nuôi. Tuy nhiên, giá cá bột tiếp tục giảm khiến chúng tôi lo ngại về chất lượng cá cho các vụ nuôi sau sẽ thấp hơn. Đó có thể là rủi ro đối với nguồn cung cá tra trong thời gian tới và tiếp tục đẩy giá cá tra nguyên liệu tăng cao. - Giá cá minh thái tiếp tục tăng cao là một lợi thế đối với cá tra Việt Nam - Ecuador tiếp tục là một đối thủ lớn đối với tôm Việt Nam khi chi phí nuôi chỉ bằng 1/3. - Giá dầu tăng cao sẽ gây áp lực lớn đến phí logistics của các mặt hàng xuất khẩu		

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	ĐIỆN, NƯỚC	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	REE, PPC, PC1
--------	------------	-------------	------------	----------------------	----------	---------------------	-----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Đến cuối năm 2021, đầu năm 2022, sản lượng tiêu thụ điện có dấu hiệu phục hồi so với giai đoạn trước và tỷ lệ phân bổ huy động dịch chuyển từ thủy điện sang nhiệt điện
- Công suất và sản lượng điện tiêu thụ của cả nước trong dịp Tết từ 29/1/2022 đến hết ngày 6/2/2022 đều giảm mạnh so với ngày thường trước Tết. Tính bình quân ngày trong dịp Tết Nguyên đán, công suất tiêu thụ điện cao nhất của toàn hệ thống điện quốc gia chỉ đạt khoảng 24.700 MW, điện năng tiêu thụ khoảng 485 triệu kWh / ngày. Mức tiêu thụ điện bình quân ngày của cả nước trong dịp Tết thấp hơn khoảng 29% về công suất và giảm 30% về sản lượng so với bình quân ngày của tuần trước Tết. Tuy nhiên, so với cùng kỳ Tết Nguyên đán năm ngoái, mức tiêu thụ điện bình quân cả nước dịp Tết 2022 vẫn cao hơn khoảng 8% về công suất đỉnh và 16% về sản lượng so với cùng kỳ.
- Xu hướng tăng giá than nhập khẩu kể từ đầu năm 2022 sẽ tiếp tục và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các nhà máy nhiệt điện. Giá than hợp đồng tương lai Newcastle đã phá vỡ mức cao kỷ lục ở mức 400 USD/tấn và hiện tăng hơn 100% kể từ đầu năm 2022 do lo ngại về các lệnh trừng phạt đối với Nga, tình trạng thiếu lao động ở Trung Quốc do Covid, lũ lụt ở một số khu vực khai thác của Australia và quyết định Indonesia cấm xuất khẩu than của Indonesia vào tháng Giêng. Khi giá than tăng, giá bán hợp đồng (Pc) cho các nhà máy nhiệt điện than cũng tăng theo. Do đó, doanh thu từ việc bán theo hợp đồng các nhà máy nhiệt điện than (thường chiếm 80-90% tổng sản lượng) sử dụng giá than đầu vào được điều chỉnh sẽ tăng lên, trong khi lợi nhuận hầu như không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, lợi nhuận từ phần bán điện trên thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) của các nhà máy này sẽ bị ảnh hưởng do chi phí nhiên liệu tăng trong khi giá điện (Pm) trên thị trường này không được điều chỉnh tương ứng. Lợi nhuận của các nhà máy nhiệt điện than có sản lượng tiêu thụ cao hơn trên thị trường CGM sẽ bị ảnh hưởng nhiều hơn do giá than tăng. Ngoài ra, giá than tăng sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các nhà máy nhiệt điện than do EVN giảm công suất huy động đối với nhóm này và ưu tiên các nguồn phát điện khác như năng lượng tái tạo.

Triển vọng

- Năm 2022, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai khẩn trương, an toàn, hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án giải phóng công suất nguồn điện khu vực Nam Trung bộ. Để các nguồn năng lượng tái tạo hiện có không bị hạn chế công suất do quá tải, EVN sẽ phải khẩn trương triển khai xây dựng đường dây và trạm biến áp để giải phóng công suất các nguồn năng lượng tái tạo hiện có đã đưa vào vận hành và 4.000 MW điện gió mới (và có khả năng là 3.5000 MW khác đã trễ hạn vào ngày 1 tháng 11 năm 2021), đặc biệt là ở các khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận và Quảng Trị
- Thách thức lớn nhất trong năm 2022 là đảm bảo đủ điện cho khu vực miền Bắc, nhất là trong những tháng thời tiết khắc nghiệt. EVN đã thành lập Ban đảm bảo cung cấp điện khu vực miền Bắc giai đoạn 2021-2025, họp định kỳ hàng tháng để đề ra các giải pháp và triển khai quyết liệt. Tình hình thủy văn không thuận lợi hiện nay của các hồ thủy điện ở miền Bắc sẽ ảnh hưởng đến tình hình cung cấp điện cho năm 2022. Để sẵn sàng cho khả năng thiếu điện ở miền Bắc từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2022 trong thời kỳ nắng nóng gay gắt, chúng tôi mong muốn EVN huy động thêm than- phát nhiệt điện nhằm đảm bảo mục tiêu tích nước lâu dài cho các hồ thủy điện miền Bắc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương theo văn bản số 6690 / BCT-ĐTĐL ban hành ngày 25/10/2021.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	DẦU KHÍ	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GAS, PVD, PVS, PLX
--------	------------	-------------	---------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

- Tại thời điểm ngày 9/3, bất chấp các tác động của biến thể Omicron, giá dầu đã tăng mạnh lên 131 USD/ thùng do cuộc chiến tranh Nga-Ukraine làm tăng thêm những lo ngại về nguồn cung trong bối cảnh nhu cầu dầu ngày càng tăng.
- Mỹ cũng mới tuyên bố cấm nhập khẩu tất cả các sản phẩm năng lượng của Nga trong khi Anh sẽ loại bỏ dần việc nhập khẩu dầu của Nga vào cuối năm nay. Hơn nữa, một số thành viên OPEC + đã không đáp ứng được mức tăng sản lượng hàng tháng do xung đột chính trị và thiếu đầu tư vào hoạt động khoan
- Giá dầu tăng hỗ trợ tích cực cho giá khí bán ra của (HSX: GAS) và tỷ suất LN gộp của các thành phẩm xăng dầu trong bối cảnh chi phí tồn kho thấp (HSX: PLX, BSR). Mặt khác, việc chậm tiến độ khởi công các dự án dầu khí mới và hạn chế di chuyển giữa các nước đã gây nhiều áp lực lên giá cho thuê các giàn khoan (HSX: PVD) và khối lượng công việc mảng Cơ khí & Xây lắp của (HNX: PVS).
- Tuy nhiên, trữ lượng dầu khai thác của nước ta đang trong quá trình suy giảm. Hầu hết các mỏ dầu lớn đều đã được khai thác trong một thời gian dài và hiện đang trong giai đoạn cuối trong khi các vị trí dự kiến phát triển mỏ mới đa số là mỏ nhỏ. Việc thiếu các hoạt động thăm dò do giá dầu thấp trong những năm vừa qua đã dẫn đến sự sụt giảm lớn trong việc gia tăng trữ lượng dầu khí của Việt Nam từ 2016.

Triển vọng

Triển vọng 2022

- Đối với cả năm 2022, nhu cầu dầu mỏ dự kiến sẽ tăng nhờ sự phục hồi của các hoạt động kinh tế, nhu cầu vận tải và tiến độ tiêm chủng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng này sẽ chậm lại do Omicron hoặc sự xuất hiện của các biến thể tiềm ẩn khác cũng như tâm lý sợ lây nhiễm.
- Các lệnh cấm vận lên nguồn dầu khí từ Nga từ một số nước đang làm căng thẳng thêm nguồn cung. Thỏa thuận hạt nhân Mỹ-Iran đang bị hoãn làm chậm việc quay trở lại của dầu thô Iran.
- Trong khi đó, OPEC+ sẽ bổ sung 400.000 thùng/ ngày trong tháng 4 này. Sản lượng dầu thô từ Mỹ và các nước ngoài OPEC dự kiến cũng sẽ tăng trở lại từ giữa 2022-2023. Nhờ đó mà các căng thẳng về nguồn cung sẽ dần được cải thiện

Rủi ro

- Biến thể COVID mới với khả năng lây nhiễm và tử vong cao làm giảm nhu cầu dầu khí
- Áp dụng các lệnh trừng phạt lên nguồn dầu khí từ Nga
- Lo ngại ngày càng tăng về biến đổi khí hậu, doanh số ô tô điện và việc gia tăng đầu tư vào năng lượng xanh

Triển vọng ngành

Ngành:	CHĂM SÓC SỨC KHỎE	Phân ngành:	DƯỢC PHẨM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	DHG, IMP, DBD, DMC, TRA, MKP, PMC
--------	-------------------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	-----------------------------------

Tổng quan ngành

- Việt Nam được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi.
- Phần lớn các nhà sản xuất dược phẩm tại Việt Nam tham gia vào thị trường tân dược. Sản phẩm được sản xuất nhiều nhất ở các công ty này là thuốc generic (nhưng thường không phải là các thế hệ đầu tiên hoặc có giá trị cao), trong khi các thuốc bản quyền (patent) và thuốc đặc trị thường là thương hiệu nước ngoài.
- Nhập khẩu nguyên liệu và cả thuốc thành phẩm chiếm tỷ trọng quan trọng. Pháp, Ấn Độ, Đức, v.v nằm trong số những nước xuất khẩu thuốc lớn nhất vào Việt Nam trong khi nguyên vật liệu được nhập nhiều nhất từ Trung Quốc và Ấn Độ.
- Phân phối dược phẩm tại Việt Nam được thực hiện thông qua 2 kênh, gồm kênh bệnh viện (thông qua hình thức đấu thầu) và kênh nhà thuốc. Ở kênh nhà thuốc, bên cạnh các cửa hàng thuốc nhỏ lẻ truyền thống, nhiều chuỗi cửa hàng dược phẩm như An Khang, Pharmacity, Long Châu bắt đầu được mở rộng khá nhanh với mục tiêu chiếm lĩnh thị phần nhất định trên thị trường bán lẻ dược phẩm còn phân mảnh.
- WHO-GMP hiện là tiêu chuẩn sản xuất phổ biến nhất tại Việt Nam. Tuy nhiên, thuốc generic được sản xuất theo chứng chỉ cao hơn (như EU-GMP, PIC/S-GMP, v.v...) với các tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ hơn có thể giành được mức giá tốt hơn, khả năng trúng thầu cao hơn và đáp ứng các yêu cầu xuất khẩu. Số lượng cơ sở sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn EU-GMP, PIC/S-GMP hiện vẫn còn khá khiêm tốn.

Triển vọng

- Các tác động tích cực có thể không quá đáng kể mặc dù nhu cầu về các sản phẩm thực phẩm chức năng, các sản phẩm vệ sinh cá nhân và một số loại thuốc điều trị triệu chứng do vi-rút gây ra có thể cao hơn. Hoạt động kinh doanh tại kênh bệnh viện bị ảnh hưởng bất lợi do lưu lượng bệnh nhân (không phải bệnh nhân COVID-19) giảm trong các giai đoạn giãn cách xã hội và cao điểm của dịch bệnh. Tuy nhiên, lưu lượng bệnh nhân có thể trở lại sau giãn cách,
- Với bức tranh dài hạn hơn, tăng trưởng ngành có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố như kinh tế phát triển, thu nhập tăng, dân số lớn bắt đầu có dấu hiệu già hóa cộng với các vấn đề sức khỏe phát sinh do môi trường và quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, làm thế nào để đưa ra các loại thuốc generic mới một cách nhanh chóng, gia tăng tỷ lệ thuốc có giá trị cao và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng cũng như khả năng cạnh tranh có thể sẽ là thách thức cho các nhà sản xuất trong nước.

Trụ sở chính

41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM

Tel: (+84 28) 3823 4159

Fax: (+84 28) 3823 5060

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phó phòng Phân tích

Nguyễn Bình Thanh Giao

(+84 28) 3823 4159 (x250)

giaonbt@acbs.com.vn

CVPT – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 3823 4159 (x303)

trucptt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 3823 4159 (x327)

chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Ngân hàng, tài chính

Cao Việt Hùng

(+84 28) 3823 4159 (x326)

hungcv@acbs.com.vn

ACVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung

(+84 28) 3823 4159 (x351)

trungtn@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 38234159 (x354)

hungpv@acbs.com.vn

NVPT – Công nghiệp

Trần Trí An Phúc

(+84 28) 3823 4159 (x325)

phuctta@acbs.com.vn

CVPT – Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy

(+84 28) 3823 4159 (x325)

huyha@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Lương Duy Phước

(+84 28) 3823 4159 (x354)

phuocld@acbs.com.vn

NVPT – Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 (x352)

minhtvh@acbs.com.vn

GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Tyler Cheung

(+84 28) 54 043 070

tyler@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận – GDKHĐC

Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 5404 6630 (x308)

huongctk@acbs.com.vn

NV Hỗ trợ khách hàng

Lê Nguyễn Tiến Thành

(+84 28) 3823 4798

thanhln@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Trần Thị Thanh

(+84 28) 5404 6626

thanhtt@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Chu Thị Minh Phương

(+84 28) 3823 4159 (x357)

phuongctm@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung

(+84 28) 3823 4159 (x313)

dungln.hso@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Phương Nhi

(+84 28) 3823 4159 (x315)

nhinp@acbs.com.vn

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA: nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.
 GIỮ: nếu giá mục tiêu trong khoảng -15% và 15% (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.
 BÁN: nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -15%.

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. **ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này.** ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó. Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi do cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm đoán trước kết quả do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thể này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2021). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích. Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.